CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN NGA SƠN

NGA SƠN - 2023

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ 1

PHẦN I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI 8

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG 8

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên 8

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên 10

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường 14

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ 14

PHẦN II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN NGA SƠN 17

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 19

I. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 19

II. TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 38

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 41

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 61

I. KẾT LUẬN 61

II. KIẾN NGHỊ 61

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 tại Chương III Điều 54 khoản 1 quy định "*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật*". Luật Đất đai năm 2013 (Chương 4, Điều 35) khẳng định rõ nội dung lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai theo ngành, theo cấp lãnh thổ hành chính và được cụ thể hóa tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, lập kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung thi hành Luật Đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Nga Sơn đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 và đã được triển khai thực hiện theo đúng tiến độ đề ra. Tuy nhiên, hiện nay các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã bị thay đổi do kết quả phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh cho huyện theo quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện. Do đó các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã bị thay đổi và cần được điều chỉnh để phù hợp, đồng bộ với quy hoạch cấp trên.

Việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất là một yêu cầu đặc biệt để các địa phương đề xuất hướng sử dụng đất hợp lý cho tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, tránh được sự chồng chéo, gây lãng phí trong sử dụng đất. Điều này, sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tiềm năng đất đai của địa phương. Đây là một nội dung quan trọng để quản lý Nhà nước về đất đai và được thể chế hóa trong Luật đất đai năm 2013 đồng thời được hướng dẫn thực hiện chi tiết

tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Thực hiện văn bản số 7752/STNMT-CSĐĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa về việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và lập, trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện và văn bản số 9790/STNMT-VP ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc khẩn trương Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.UBND huyện Nga Sơn tiến hành xây dựng đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí dự án **"Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nga Sơn"**

*** Căn cứ pháp lý thực hiện dự án: Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nga Sơn**

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Du lịch ngày 19/6/2017
- Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Di sản Văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa ngày 18/6/2009;
- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH13 ngày 20/11/2018;
- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng công trình Giao thông Đường bộ và Thông tư 50/2015/TT-BGTVT;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung mốt số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư 35/2017/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ- CP và quy hoạch tổng thể phát triển giao thông tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/08/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế- kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa;

- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị (Khoá XII) về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 390/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về dự kiến lần 1 kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 do tỉnh Thanh Hóa Quản lý;

- Nghị quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chấp thuận bổ sung danh mục các công trình dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định

chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 3 năm 2020;

- Nghị quyết số 329/NQ-HĐND ngày 21/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 2 năm 2020;

- Nghị quyết 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chấp thuận bổ sung danh mục các công trình dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1 năm 2020;

- Nghị quyết số 390/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021;

- Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Về việc chấp thuận bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đợt 2 năm 2021;

- Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục các công trình sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

- Nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020- 2025;

- Nghị quyết đại hội đảng bộ huyện Nga Sơn lần thứ XXVI nhiệm kỳ 2020-2025;

- Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị (Khóa XII) về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/6/2008 về việc Quy định hành lang bảo vệ đối với đê sông cấp IV, cấp V và hành lang bảo vệ đê biển trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của UBND tỉnh về Quy hoạch tổng thể thủy lợi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến 2030;

- Quyết định số 3162/2014/QĐ- UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh Thanh Hóa đến năm

2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định 3230/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 9/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh về quy định vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 14/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 3880/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng và mở rộng Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 1625/QĐ-UBN ngày 11/5/2020 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TƯ ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

- Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phương án xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Nga Sơn;

- Quyết định số 3614/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nga Sơn;

- Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện

- Công văn số 10643/UBND-NN ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm

đầu cấp huyện khi quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt;

- Công văn số 10696/UBND-NN ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai Quyết định số 1708/QĐ-BTNMT ngày 05/8/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 10836/UBND-NN ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc thực hiện công văn số 1004/TTg-NN ngày 30/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp, đất ở tại các đô thị đến năm 2030;

- Công văn số 215-CV/TU ngày 31/5/2021 của ban thường vụ tỉnh Ủy Thanh Hóa về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng hai bên các tuyến đường bộ;

- Công văn số 7752/STNMT-CSĐĐ ngày 30/8/2022 của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa về việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và lập, trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa đến 2035, tầm nhìn đến 2050.

- Nhu cầu sử dụng đất của các ban ngành, phường, xã trên địa bàn huyện đến năm 2030.

- Các chỉ tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2030 của huyện Nga Sơn.

***. Mục đích và ý nghĩa lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nga Sơn**

- Lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nga Sơn theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 29/11/2013 Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Thông tư số 01/2021/TTBTNTM ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Rà soát đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt nhằm nghiên cứu để lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho các ngành, lĩnh vực và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch tỉnh đã phân bổ, phù hợp nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của huyện.

- Lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện làm cơ sở cho việc triển khai lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên địa bàn huyện.

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc đầu tư, thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả, từng bước ổn định công tác quản lý và sử dụng đất.

- Tích hợp, đồng bộ và tuân thủ các chỉ tiêu phân bổ sử dụng đất theo quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hoà giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

***. Sản phẩm của dự án**

Sản phẩm Lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nga Sơn bao gồm:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp (có biểu số liệu kèm theo);
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2021;
- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030;
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023;
- Bản đồ chuyên đề; Báo cáo chuyên đề
- Các văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, thông qua Hội đồng nhân dân, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét duyệt.

PHẦN I
KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

. Ví trí địa lý

Huyện Nga Sơn là huyện đồng bằng ven biển nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hoá, cách thành phố Thanh Hóa khoảng 40 km về phía Đông Bắc, cách quốc lộ 1A khoảng 14 km về phía Đông và cách Thủ đô Hà Nội khoảng 120 km về phía Nam, có phạm vi ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
- Phía Nam giáp huyện Hậu Lộc
- Phía Đông giáp biển Đông
- Phía Tây giáp với huyện Hà Trung và Thị xã Bỉm Sơn

Huyện có toạ độ địa lý:

- Từ 19056’23 đến 200 04’10 độ vĩ Bắc
- Từ 1050 54’45 đến 200 04’30 độ kinh Đông

Ngoài vị trí địa lý thuận lợi huyện còn có hệ thống giao thông huyết mạch như quốc lộ 10, tuyến đường bộ ven biển và hệ thống giao thông đường thủy trên các sông Lèn, sông Càn, sông Hoạt càng tạo ra cho huyện những điều kiện thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế - xã hội, đây chính là cửa ngõ thương mại phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa.

. Địa hình, địa mạo.

Địa hình Nga Sơn có độ cao trung bình 3-5 m so với mặt nước biển, tuy nhiên, những xã thuộc phía Tây của huyện có địa hình thấp hơn độ cao trung bình toàn huyện từ 1-1,5 m gồm Ba Đình, Nga Văn; Nhìn chung địa hình huyện Nga Sơn không quá phức tạp. Do quá trình bù đắp của phù sa sông biển, toàn huyện có dạng địa hình lượn sóng tạo ra những dãy đất cao, thấp xen kẽ nhau. Địa hình cao ở phía Tây Bắc và thấp dần về phía Đông Nam. Phía Tây Bắc là dãy núi đá thuộc vòng cung Tam Điệp.

Có thể chia địa hình Nga Sơn thành 3 tiểu vùng như sau:

* Vùng phía Tây:

Khu vực này bao gồm các xã: Nga Thiện, Nga Vịnh, Nga Trường, Nga Văn, Ba Đình, Nga Thắng và 1 phần xã Nga Phượng (Nga Lĩnh cũ) chiếm khoảng 28,89% diện tích tự nhiên của toàn huyện. Nằm dọc theo sông Hoạt, đây là vùng chuyên canh lúa của huyện; với địa hình tương đối bằng phẳng, tưới tiêu chủ động; đất đai chủ yếu là đất phù sa có glây trung bình thích hợp với cây lúa nước, có điều kiện trở thành vùng thâm canh lúa cao sản.

* Vùng giữa:

Là một khu vực bao gồm các xã: Nga An, Nga Thành, Nga Giáp, Nga Yên, Nga Trung, Nga Phượng (Nga Nhân cũ), Nga Bạch, Nga Thạch, trị trấn Nga Sơn, Nga Hải chiếm khoảng 31,95% diện tích tự nhiên toàn huyện. Nằm trên dải đất cao hơn của

huyện, thoải dần về hai phía nên thường không bị ngập úng, thoát nước nhanh. Đất đai chủ yếu là đất cát biển. Đây là vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn ngay, hoa mầu, có khả năng phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

* Vùng biển:

Bao gồm các xã: Nga Điền, Nga Phú, Nga Thái, Nga Liên, Nga Thanh, Nga Tiến, Nga Tân và Nga Thủy chiếm khoảng 39,16% diện tích tự nhiên toàn huyện. Là vùng đất được hình thành do quá trình bồi đắp, lấn biển đang được trồng cói, nuôi trồng thủy sản. Địa hình thấp hơn so với các vùng khác, nghiêng dần về phía biển, canh tác và thu hoạch cói thuận lợi, đồng thời góp phần thoát nước cho toàn huyện về mùa mưa. Đây là vùng chuyên canh cói có năng suất và chất lượng cao, từ lâu đã làm nên một phần câu ca dao Cói Nga Sơn, gạch Bát Tràng. Vùng này có thế mạnh cho phát triển tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

Như vậy có thể thấy, địa hình Nga Sơn chia thành 3 tiểu vùng rõ rệt, tương thích với chế độ, tập quán canh tác khác nhau, hình thành một cách tự nhiên, tạo thành thế mạnh để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sản xuất nông nghiệp đa dạng, sản phẩm làm ra mang tính hàng hóa cao.

. Khí hậu và thời tiết.

Theo tài liệu của Trạm dự báo Khí tượng - Thủy văn Thanh Hóa, Nga Sơn nằm trong tiểu vùng khí hậu ven biển (IB) của tỉnh Thanh Hóa có các đặc trưng sau:

* Nhiệt độ:

Tổng tích ôn trung bình năm 86000C; Biên độ năm 12 - 130C, biên độ ngày 5,5 - 60C. Nhiệt độ trung bình tháng 1 khoảng 16,5 - 170C, nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối chưa dưới 50C. Nhiệt độ trung bình tháng 7: 29-29,50C, nhiệt độ cao nhất tuyệt đối chưa quá 410C. Có 4 tháng (12-3) nhiệt độ trung bình dưới 200C, có 5 tháng (5-9) nhiệt độ trung bình trên 250C.

* Mưa:

Lượng mưa trung bình năm trên địa bàn huyện từ 1600 đến 1900 mm, mùa mưa chiếm 87 - 90% lượng mưa cả năm. Mùa mưa kéo dài từ tháng 6- 10. Lượng mưa phân bố ở các tháng không đều: Tháng 9 có lượng mưa lớn nhất xấp xỉ 460 mm; Tháng 1 nhỏ nhất khoảng 18 - 200 mm. Có lúc mưa tập trung gây úng lụt cục bộ, làm thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, nhất là vùng chuyên canh lúa.

* Độ ẩm không khí:

Trung bình năm 85 - 86 % các tháng 2,3,4 xấp xỉ 90%.

* Gió:

Huyện Nga Sơn chịu ảnh hưởng của hai hướng gió chính: Gió mùa Đông Bắc và Đông Nam. Tốc độ gió khá mạnh, trung bình năm 1,8 - 2,2 m/s. Tốc độ gió mạnh nhất đo được trong bão tới trên 40m/s và trong gió mùa Đông Bắc là 25m/s. Ngoài hai hướng gió chính trên, về mùa hè thỉnh thoảng xuất hiện các đợt gió Tây Nam khô

nóng, nhưng mức độ ảnh hưởng không lớn bằng các huyện vùng đồng bằng. Bão thường xuất hiện từ tháng 8-10 kèm theo mưa lớn.

Nhìn chung: Khí hậu Nga Sơn tương đối đồng nhất ở các vùng khác nhau trong huyện. Các yếu tố khí hậu phù hợp cho việc sinh trưởng và phát triển của nhiều loại cây trồng như lúa, màu lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày (đay, cói), cây ăn quả (táo, nhãn), thuận lợi cho thâm canh, tăng vụ, nâng cao năng suất cây trồng, tăng giá trị trên một đơn vị diện tích.

Tuy nhiên, các yếu tố khí hậu cũng gây ra những bất lợi như ảnh hưởng trực tiếp của gió bão, triều dâng, mưa lớn tập trung gây ra úng lụt; Những biến động bất thường khác của thời tiết như hạn hán, rét đậm kéo dài, sương muối, sương giá gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

. Thủy văn.

Theo tài liệu của Trạm dự báo Khí tượng - Thủy văn Thanh Hóa, Nga Sơn thuộc vùng thuỷ văn triều phía Bắc (III,1). Chế độ triều là nhật triều không thuần nhất, hàng tháng vẫn có mấy ngày bán nhật triều. Thời gian triều ngắn, nhưng xuống kéo dài hơn.

Nga Sơn có hai cửa sông: Cửa Càn và Cửa Lạch Sung. Vào mùa khô do nguồn nước từ thượng nguồn chảy về ít và địa hình không cao hơn nhiều so với mặt nước biển, nên sự xâm nhập của triều mặn vào sông Hoạt là lớn nhất và đi sâu vào nội địa, tuy nhiên càng vào sâu độ mặn càng giảm.

Đặc điểm của thuỷ triều ở đây như sau:

- Độ lớn của thuỷ triều tại cửa sông lớn nhất là 210 - 260 cm, trung bình 130 - 135cm.
- Thời gian triều lên: 7 - 8 giờ.
- Thời gian triều xuống: 16 -17 giờ.

Sự nhiễm mặn của vùng đất ven sông, ven biển và ảnh hưởng của chế độ triều đã tạo nên vùng nước lợ phù hợp với đặc điểm sinh học của cây cói, môi trường rất tốt cho tôm, cua phát triển, sinh vật phù du cũng dồi dào là nguồn thức ăn cho tôm, cua.

Địa bàn của huyện được bao bọc bởi các sông tự nhiên: Sông Hoạt, sông Lèn, sông Càn đều bị ảnh hưởng của thuỷ triều. Các sông này là nguồn cung cấp nước cho nông nghiệp qua các trạm bơm chính: Sa Loan, Nga Thiện, Vực Bà. Tuy nhiên, về mùa khô lượng nước từ thượng nguồn chảy xuống ít, các sông tự nhiên bị cạn kiệt; bù lại triều dâng lên giữ lượng nước ngọt dồn về nên vẫn đủ cung cấp cho cây trồng. Đây cũng là hệ thống tiêu thuỷ cho cây lúa và vùng màu của huyện. Ngoài ra sông đào Hưng Long chạy từ Tây sang Đông và hệ thống kênh mương ở vùng sản xuất cói cũng góp phần tiêu thuỷ nhanh chóng.

Chế độ thuỷ văn ở Nga Sơn chịu ảnh hưởng của nhật triều, nhưng nhờ có hệ thống đê điều nên ảnh hưởng của nước mặn tới cây trồng không lớn. Đây cũng là thế mạnh để nuôi trồng thuỷ sản.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

(1). Tài nguyên đất.

Căn cứ theo Báo cáo thyết minh bản đồ đất huyện Nga Sơn, tỷ lệ 1/25.000 Trên địa bàn huyện Nga Sơn có những loại đất sau:

Bảng 1: Bảng phân loại đất huyện Nga Sơn

STT TênViệt Nam Ký hiệu Tênđất theoFAO - UNESCO-WRB Ký hiệu Diện tích(ha)

I Đất xám X Acrisols AC 403,09

1 Đất xám feralit Xf Ferralic Acrisols ACf 403,09

1 Đất xám feralit điển hình Xfh Haplic ferralic Acrisols ACfh 22,08

2 Đất xám feralit đá lẫn nông Xfsk1 Epilithi ferralic Acrisols ACfsk1 381,01

II Đất cátC Arenosols AR 2 .941,86

2 Đấtcát trung tính ít chua C Haplic Arenosols ARe 2 .941,86

3 Đất cát trung tính ít chua điển ḥnh Ch Eutri haplic Arenosols AReh 2 .941,86

III Đất phù sa P Fluvisols FL 5 .717,13

3 Đất phù sa chua Pc Dystric Fluvisols FLd 5 .717,13

4 Đất phù sa chua glây nông Pcg1 Epigleyi dystric Fluvisols FLdg1 5.304,48

5 Đất phù sa chua glây sâu Pcg2 Endogleyi dystric Fluvisols FLdg2 412,65

IV Đất mặn M Salic Fluvisols FLs 3. 332,91

4 Đất mặn nhiều Mn Hapli salic Fluvisols FLS 3 .249,01

6 Đất mặn nhiều glây nông Mng1 Epigleyi salic Fluvisols FLShrg1 3 .249,01

5 Đất mặn ít Mi Moli salic Fluvisols FLSw 83,90

7 Đất mặn ít glây nông Migl Epigleyi moli salic FluvisolsFLSmg1 83,90

Nguồn: Phòng TNMT huyện Nga Sơn

* Nhóm đất xám (X) ACRISOLS (AC): Có diện tích 403,09 ha. Phân bố tập trung ở các xã: Nga An, Nga Lĩnh, Nga Điền, Nga Thắng, Nga Thiện.

Nhóm đất xám chia ra 2 đơn vị đất phụ gồm:

- Đất xám feralit điển hình: Loại đất này có diện tích 22,08 ha, phân bố ở xã Nga Lĩnh, có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là màu xám.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 3 - 3,89%, trung bình là 3,4%, thuộc loại khá. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,14 - 0,15%, thuộc loại giàu lân. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 1,85-1,9%, thuộc loại trung bình. Lân dễ tiêu dao động từ 7,4 – 31,5 mg/100g đất. Kali dễ tiêu dao động từ 8 -10,3mg/100g đất, trung bình là 9mg/100g đất, thuộc loại trung bình. pHKCl dao động từ 4,86 đến 4,93 thuộc loại ít chua. Al3+ dao động từ 0,02-0,11meq/100g đất, thuộc loại rất thấp. H+ dao động từ 0,1 -1 meq/100g đất, thuộc loại rất thấp. Đất có thành phần cơ giới là đất thịt trungbình.

- Đất xám feralit đá lẫn nông: Loại đất này tập trung ở các xã Nga Thiện, Nga An, Nga Lĩnh, Nga Điền, Nga Thắng chủ yếu phân bố ở đồi núi. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là xám nâu.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 2-2,72%, trung bình là 2,36%, thuộc loại trung bình. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,07-0,12%, thuộc loại rất nghèo. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 0,54-2,94%, thuộc loại trung bình. Lân dễ tiêu dao động từ 1-1,4 mg/100g đất, trung bình là 1,2mg/100g đất, thuộc loại rất nghèo. Kali dễ tiêu dao động từ 7,05 -20,21 mg/100g đất, trung bình là 13,63mg/100g đất, thuộc loại giàu. Tổng số cation kiềm trao đổi trong đất là 24,91-35,19 meq/100g đất, trung bình là 30,05meq/100g đất, thuộc loại giàu. pHKCl dao động từ 2,85 đến 2,97, trung bình là 2,91, thuộc loại ít chua. Al3+ dao động từ 4,43 đến 6,83, trung bình là 5,63. H+ dao động từ 0,03-0,07meq/100g đất, trung bình là 0,05meq/100g đất, thuộc loại thấp. Đất có thành phần cơ giới thịt pha cát và sét.

* Nhóm đất mặn (M) SALIC FLUVISOLS (FLs): Phân bố ở các xã Nga Thủy, Nga Tân, Nga Tiến, Nga Điền, Nga Thái, Nga Liên, Nga Thanh, Nga Phú, chủ yếu là ở các bãi triều.

Đất mặn ở huyện Nga Sơn có 2 đơn vị đất phụ gồm:

- Đất mặn ít glây nông (Mig1): Loại đất này tập trung ở xã Nga Thạch. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là màu xám nhạt.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 2,92-3,28%, trung bình là 3,1%, thuộc loại khá và giảm nhanh theo chiều sâu. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,08-0,16%, trung bình 0,12%, thuộc loại trung bình. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 1,5-2,51%, trung bình là 2% thuộc loại khá. Lân dễ tiêu dao động từ 27-54,7mg/100g đất, trung bình là 40,8mg/100g đất, thuộc loại khá. Kali dễ tiêu dao động từ 8,46-11,5mg/100g đất, trung bình là 10mg/100g đất, thuộc loại nghèo. Tổng số cation kiềm trao đổi trong đất là 11-14meq/100g đất, trung bình là 12,5meq/100g đất, thuộc loại khá. Độ no bazơ dao động từ 80% đến 87%. pHKCl dao động từ 5,13 đến 6,17, trung bình là 5,65, thuộc loại ít chua. H+ dao động từ 0,02-0,03meq/100g đất, trung bình là 0,025meq/100g đất, thuộc loại rất thấp. Đất có thành phần cơ giới từ thịt pha cát đến sét.

- Đất mặn nhiều glây nông (Mng1):Loại đất này có diện tích 3.249,01 ha, tập trung ở xã Nga Thủy, Nga Tân, Nga Thái, Nga Phú, Nga Thanh, Nga Tiến, Nga Điền, Nga Liên. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là xám nhạt.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 3,09-3,45%, trung bình là 3,27%, thuộc loại khỏ và giảm nhanh theo chiều sâu. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,15-0,19%, trung bình 0,17%, thuộc loại khá. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 3,2-4,3%, trung bình là 3,75% thuộc loại khá. Lân dễ tiêu dao động từ 45,7-66,7mg/100g đất, trung bình là 56,2mg/100g đất, thuộc loại khá. Kali dễ tiêu dao động từ 23,97-34,31mg/100g đất, trung bình là 29,14mg/100g đất, thuộc loại khá. Tổng số cation kiềm trao đổi trong đất là 8-13meq/100g đất, trung bình là 10,5meq/100g đất, thuộc loại khá.

pHKCl dao động từ 6,03 đến 6,99, trung bình là 6.5, thuộc loại đất chua. H+ dao động từ 0,-0,01meq/100g đất, thuộc loại rất thấp. Đất có thành phần cơ giới từ cát đến thịt pha sét.

* Nhóm đất phù sa (P) FLUVISOLS (FL): Phân bố ở các xã Nga Văn, Nga Trường, Nga Thành, Nga Phượng, Nga Hưng.

Đất phù sa ở huyện Nga Sơn chia ra 2 đơn vị đất phụ gồm:

- Đất phù sa chua glây nông: Loại đất này có diện tích 5.304,48 ha, tập trung ở xã Nga Văn, Nga Trường, Nga Vịnh, Nga Giáp, Ba Đình, Nga Thắng, Nga Hải. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là xám nâu.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 3,81-3,52%, trung bình là 3,6%, thuộc loại khá. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,12-0,21%, trung bình là 0,16%, thuộc loại trung bình. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 1,98-2,37%, trung bình 2,18%, thuộc loại khô. Lân dễ tiêu từ 18,6-24,9mg/100g đất, trung bình là 21,8mg/100g đất, thuộc loại giàu. Kali dễ tiêu dao động từ 12,69-15,51mg/100g đất, trung bình là 14,1mg/100g đất, thuộc loại khá. pHKCl dao động từ 4,69 đến 5,03, trung bình là 4,86, thuộc loại ít chua. Al3+ dao động từ 0,04-0,09meq/100g đất, trung bình là 0,07meq/100g đất, thuộc loại thấp. H+ dao động từ 0,04-0,21meq/100g đất, trung bình là 0,13meq/100g đất, thuộc loại thấp. Đất có thành phần cơ giới phổ biến là đất thịt trung bình.

- Đất phù sa chua glây sâu: Loại đất này có diện tích 412,65 ha, tập trung ở cỏc xó Nga Phượng, Nga Thạch. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là màu nâu xám.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 1,99-2,93%, trung bình là 2,46%, thuộc loại trung bình và tăng nhanh theo chiều sâu. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,10-0,15%, trung bình là 0,13%, thuộc loại giàu. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 1,95-2,05%, trung bình 2%, thuộc loại nghèo. Lân dễ tiêu từ 7,0-19,0mg/100g đất, trung bình là 13mg/100g đất, thuộc loại trung bình. Kali dễ tiêu dao động từ 1,0-5,0mg/100g đất, trung bình là 3mg/100g đất, thuộc loại rất nghèo. Tổng số cation kiềm trao đổi trong đất là 3,0-4,0meq/100g đất, trung bình là 3,5meq/100g đất, thuộc loại trung bình. pHKCl dao động từ 3,69 đến 3,84, trung bình là 3,71, thuộc loại rất chua. Al3+ dao động từ 0,40-0,64meq/100g đất, trung bình là 0,5meq/100g đất, thuộc loại trung bình. H+ dao động từ 1,00-2,42meq/100g đất, trung bình là 1,72meq/100g đất, thuộc loại thấp. Đất có thành phần cơ giới phổ biến là đất thịt mịn.

*. Nhóm đất cát (C) ARENOSOLS (AR): Đất cát có diện tích 2941,86ha. Phân bố tập trung ở các xã: Nga Hải, Nga Phượng, Nga Hưng, Nga An, Nga Giáp, Nga Yên, Nga Trung, Nga Bạch và TT Nga Sơn.

Nhóm đất cát chia ra 1 đơn vị đất phụ là đất cát trung tính ít chua điển hình (Ch):

Loại đất này tập trung ở các xã Nga Hải, Nga Phượng, Nga An, Nga Giáp, Nga Yên, Nga Trung, Nga Bạch,TT Nga Sơn. Đất có màu chủ đạo ở tầng đất mặt là nâu vàng xám.

Đất có hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt dao động từ 2,74-3,38%, trung bình là 3,1%, thuộc loại trung bình. Lân tổng số trong đất dao động từ 0,1-0,18%, trung bình 0,14%, thuộc loại nghèo. Kali tổng số trong các tầng đất dao động từ 0,33-0,84%, trung bình là 0,6

% thuộc loại nghèo. Lân dễ tiêu dao động từ 4,1-94,0mg/100g đất, trung bình là 49,1mg/100g đất, thuộc loại khá. Kali dễ tiêu dao động từ 7,5-13,6mg/100g đất, trung bình là 10,6mg/100g đất, thuộc loại trung bình. pHKCl dao động từ 3,5 đến 5,3, trung bình là 4,4, thuộc loại ít chua. H+ 0,01meq/100g đất, thuộc loại rất thấp. Đất có thành phần cơ giới phổ biến là cát mịn, hạt rời.

(2). Tài nguyên nước.

a. Nước mặt.

Hệ thống sông ngòi bao quanh huyện, có nước từ thượng nguồn chảy về, ảnh hưởng của chế độ nhật triều, nước mưa tại chỗ nên Nga Sơn có nguồn nước mặt khá dồi dào. Với nhu cầu sử dụng hiện nay nguồn nước mặt đảm bảo cung cấp cho sản xuất và đời sống nhân dân. Tuy nhiên, về mùa khô lượng nước từ thượng nguồn ít, mưa ít, các sông bị cạn kiệt, triều vào sâu. Lúc này nước khan hiếm, nguồn nước ngọt giảm đáng kể. Ngoài ra ao hồ cũng là nguồn cung cấp và điều tiết nước.

Nga Sơn có hệ thống công trình và trạm bơm thuộc Xí nghiệp thuỷ nông Nga Sơn cung cấp nước tưới cho toàn huyện, nguồn nước cung cấp cho vùng cói, nuôi trồng thuỷ sản còn được lấy từ thuỷ triều qua hệ thống kênh rạch.

b. Nước ngầm.

Theo số liệu của trạm dự báo và phục vụ Khí tượng - Thuỷ văn Thanh Hoá, dải đất ven biển Nga Sơn có 2 lớp nước ngầm. Lớp trên (mạch nông) có độ sâu 10 -15 m, lượng nước tương đối phong phú, lưu lượng của giếng đạt từ 0,7 -1,7 l/s, có độ khoáng hoá dưới 1g/l. Lớp dưới sâu hơn (mạch sâu) có áp yếu, lượng nước khá phong phú, lưu lượng giếng đạt tới 15-17 l/s lớp nước này bị nhiễm mặn, độ khoáng hoá từ 1-2,5g/l.

Nhìn chung, Nga Sơn có lượng nước khá phong phú, nguồn nước đủ cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tuy nhiên nguồn nước sinh hoạt và phục vụ đời sống nhân dân hàng ngày là giếng khơi và giếng khoan lấy từ nước ngầm thuộc mạch nông, chất lượng kém, bị chua mặn, nên có một số hộ dùng nước mưa để sinh hoạt.

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

Nga Sơn là huyện ven biển, có núi, có sông, bờ biển bao bọc đã tạo nên cảnh quan hấp dẫn; phía Tây Bắc với những dãy núi đá tạo thành các hang động kỳ thú như động Từ Thức, hang động ở núi Mai An Tiêm (Nga Phú), núi đá xen lẫn núi đất, có thể trồng cây lâm nghiệp, tạo thành cảnh quan hài hoà của núi, sông, rừng, biển. Cảnh quan thiên nhiên ở đây gắn liền với con người sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp truyền thống như chiếu cói, thảm đay. Môi trường sinh thái ở một số xã, thị trấn có sự tác động của các chất thải, bãi thải trong khu dân cư. Một số các doanh nghiệp, xí nghiệp, cơ sở khai thác đá chưa có cam kết bảo vệ môi trường nên làm ảnh hưởng tới không khí gần khu sản xuất. Trong thời gian tới khi đô thị hoá, công nghiệp hoá cũng phải chú ý để hạn chế những tác hại, ảnh hưởng đến môi trường.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tốc độ tăng giá trị sản xuất ước đạt 12,6% (Nông, lâm, thủy sản tăng 3,5%; công nghiệp và xây dựng 13,3%; dịch vụ 18,8%). Thu nhập bình quân đầu người: ước đạt 52,6 triệu đồng/người, đạt 99,2% KH, tăng 3,5 triệu đồng/người so với năm 2021.

a) Nông, lâm, thủy sản

Trong điều kiện gặp nhiều khó khăn trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm do dịch bệnh Covid-19 ngay từ đầu năm và ảnh hưởng của cơn bão số 41, nhưng với sự quyết tâm chỉ đạo, điều hành của UBND huyện, sản xuất nông nghiệp của huyện đạt được kết quả khá. Toàn huyện đã xây dựng được 16,5 ha nhà kính, nhà lưới sản xuất theo hướng công nghệ cao , vượt 9,5 ha so với KH, nâng tổng diện tích nhà kính, nhà lưới toàn huyện lên 35,5 ha (trồng trọt 27,5 ha, thủy sản 8 ha). Thực hiện mới 16 ha vùng rau an toàn tại 4 xã Nga Thành, Nga Giáp, Nga Hải, Nga Trung nâng tổng số diện tích vùng rau an toàn chuyên canh toàn huyện lên 45ha. Tích tụ tập trung đất đai sản xuất 115,5ha, đạt 100,4% KH tỉnh giao, đạt 111% KH huyện giao. Chuyển đổi 66 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang mô hình lúa - cá kết hợp và chuyên màu. Giá trị sản xuất/ha canh tác (trồng trọt, NTTS) ước đạt 170 triệu đồng/ha, đạt 100% so KH và tăng 10% so với cùng kỳ.

Về trồng trọt: Năm 2022, toàn huyện gieo trồng được 14.683 ha cây hàng năm, đạt 101,4% so với kế hoạch, bằng 99% so với cùng kỳ . Diện tích cây lương thực có hạt 8.933 ha, đạt 100,3% KH, bằng 99,3% so với cùng kỳ (giảm 66 ha). Diện tích lúa cả năm 8.246 ha, đạt 100% KH, bằng 98,9% cùng kỳ. Diện tích cói 1.523 ha, đạt 95,6% KH, bằng 98% so với cùng kỳ (giảm 32 ha). Diện tích Khoai tây 235,4 ha, bằng 140,3% so cùng kỳ. Diện tích trồng dưa trong nhà kính, nhà lưới 48 ha, tăng 15,7ha so với cùng kỳ...

Tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 52.797 tấn, đạt 99,6% KH năm (Kế hoạch 53.000 tấn), bằng 96,8% so với cùng kỳ. Năng suất lúa cả năm đạt 60,4 tạ/ha, giảm 1,6 tạ/ha so với cùng kỳ; sản lượng lúa cả năm đạt 49.828 tấn, bằng 96,4% so với cùng kỳ. Năng suất cói đạt 75,4 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha (vụ chiêm 76,7 tạ/ha, vụ mùa 74,3 tạ/ha); sản lượng đạt 11.490 tấn, đạt 143,6% KH năm (Kế hoạch 8.000 tấn), bằng 98,2% so với cùng kỳ. Năng suất khoai tây đạt 183 tạ/ha (tăng 8 tạ/ha); sản lượng khoai tây 4.308 tấn, bằng 146,8% so với cùng kỳ...

Về chăn nuôi: Tổng đàn lợn cơ bản ổn định, đàn gia cầm có xu hướng tăng nhẹ so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng cả năm ước đạt 15.394 tấn, bằng 110,7% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng thịt lợn hơi đạt 12.092 tấn, bằng 112,2% so với cùng kỳ. Tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm 2 đợt năm 2022 đạt kết quả khá, không để sảy ra dịch bệnh .

Về lâm nghiệp: Thực hiện dự án "Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa" đã trồng mới 50 ha rừng phòng hộ ven biển; tiếp tục sáng hưởng ứng Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh - Vì một Việt Nam xanh do Thủ tướng Chính phủ phát động. Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng được thực hiện tốt, không để xảy ra vụ cháy rừng, chặt phá rừng.

Về thuỷ sản: Nuôi trồng thủy sản phát triển và đạt kết quả tích cực. Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ước đạt 10.017,8 tấn, bằng 104,7% so cùng kỳ, trong đó sản lượng nuôi 6.806,3 tấn, bằng 107,7%; sản lượng khai thác 3.211,5 tấn bằng 99% so cùng kỳ, trong đó khai thác biển 3.042,7 tấn bằng 98,7%. Năng suất sản lượng tôm thẻ đạt khá so cùng kỳ, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng theo mô hình nhà kính (siêu thâm canh) được mở rộng thêm 4 ha nâng tổng số lên 8 ha tại Nga Tân, Nga Thủy, Nga Tiến, Nga Bạch; Nga Thái.

b) Công nghiệp - xây dựng

Sản xuất công nghiệp, TTCN tiếp tục tăng trưởng khá. So với cùng kỳ: Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2022 ước tăng 9,6% ; trong đó ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại tăng 24,5%, sản xuất các sản phẩm từ gỗ, vật liệu tết bện tăng 6,6%, sản xuất trang phục tăng 4,7% ....; lao động làm việc trong ngành công nghiệp năm 2022 tăng 6,6% . Thành lập mới được 65 doanh nghiệp đạt 108,4% kế hoạch.

c) Thương mại, dịch vụ

Thị trường hàng hóa, dịch vụ sôi động, lưu thông thuận lợi, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống Nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 5.178 tỷ đồng, tăng 26,7% so với cùng kỳ . Hoạt động vận tải ổn định, tổng doanh thu vận tải ước đạt 287,9 tỷ đồng, tăng 26,5% so với cùng kỳ .

Giá trị xuất khẩu năm 2022 ước đạt 102,7 triệu USD, đạt 102,7% KH, bằng 100,5% so cùng kỳ ; trong đó hàng may mặc đạt 89,4 triệu USD, hàng TCMN đạt 13,3 triệu USD. Sản lượng các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu so với cùng kỳ gồm: Quần áo các loại 19,3 triệu sản phẩm bằng 102,4%; hàng TCMN 1,56 triệu sản phẩm bằng 96%; quai cói 3.102 tấn bằng 98,8%; cói chẻ 583 tấn bằng 101,4%.

PHẦN II

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN NGA SƠN

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2022 cho thấy, tổng diện tích tự nhiên huyện Nga Sơn là 15.779,97 ha. Trong đó, đất nông nghiệp chiếm 58,31%, đất phi nông nghiệp chiếm 32,14%, đất chưa sử dụng chiếm 9,55% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Số liệu chi tiết được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất huyện Nga Sơn năm 2022

(*Diện tích tính đến hết 31/12/2022)*

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		**15.779,97**	
I	**Loại đất**			
1	***Đất nông nghiệp***	***NNP***	***9.201,02***	***58,31***
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.878,50	30,92
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*3.781,95*	23,97
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.653,56	10,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	323,16	2,05
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	333,74	2,11
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	136,53	0,87
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	948,47	6,01
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	927,06	5,87
2	***Đất phi nông nghiệp***	***PNN***	***5.072,11***	***32,14***
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	34,21	0,22
2.2	Đất an ninh	CAN	2,20	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	19,00	0,12
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,56	0,02
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	25,17	0,16
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	25,39	0,16
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	6,76	0,04
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.267,37	14,37
	Trong đó:			
-	Đất giao thông	DGT	1.373,45	8,70
-	Đất thủy lợi	DTL	436,67	2,77
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	32,21	0,20
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,58	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	64,66	0,41
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	41,85	0,27
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,74	0,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện	Cơ cấu
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,96	0,01
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	38,87	0,25
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,69	0,02
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,51	0,09
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	240,16	1,52
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	11,02	0,07
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,67	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.052,06	13,00
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	162,13	1,03
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,78	0,11
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,39	0,01
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	7,00	0,04
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	347,88	2,20
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	77,59	0,49
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	22,95	0,15
3	***Đất chưa sử dụng***	***CSD***	***1.506,84***	***9,55***

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

I. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

Nhu cầu sử dụng đất trong phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1: Danh mục công trình dự án thực hiện trong giai đoạn điều chỉnh 2021-2030

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**Công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**						
1.1	**Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh**						
1.1.1	***Dự án đất quốc phòng***		***67,46***		***67,46***		
1	Căn cứ hậu phương (vùng lõi)	Nga Giáp	10,30		10,30	CQP	2023-2030
2	Căn cứ chiến đấu	Nga Thắng	12,00		12,00	CQP	2023-2030
3	Trạm kiểm soát BP Hói Đào	Nga Tân	0,50		0,50	CQP	2023-2030
4	Doanh trại đồn biên phòng	Nga Thủy	1,00		1,00	CQP	2023-2030
5	Thao trường huấn luyện và diễn tập KVPT	Nga Phượng	10,00		10,00	CQP	2023-2030
6	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Thái	Nga Thái	0,16		0,16	CQP	2023-2030
7	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Phú	Nga Phú	0,16		0,16	CQP	2023-2030
8	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Liên	Nga Liên	0,25		0,25	CQP	2023-2030
9	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Trường	Nga Trường	0,27		0,27	CQP	2023-2030
10	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Thiện	Nga Thiện	0,16		0,16	CQP	2023-2030
11	Ban chỉ huy quân sự xã Ba Đình	Ba Đình	0,16		0,16	CQP	2023-2030
12	Ban chỉ huy quân sự xã Nga An	Nga An	0,16		0,16	CQP	2023-2030
13	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Bạch	Nga Bạch	0,16		0,16	CQP	2023-2030
14	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Điền	Nga Điền	0,16		0,16	CQP	2023-2030
15	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Giáp	Nga Giáp	0,17		0,17	CQP	2023-2030
16	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Hải	Nga Hải	0,16		0,16	CQP	2023-2030
17	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Phượng	Nga Phượng	0,16		0,16	CQP	2023-2030
18	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Tân	Nga Tân	0,16		0,16	CQP	2023-2030
19	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Thạch	Nga Thạch	0,16		0,16	CQP	2023-2030
20	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Thắng	Nga Thắng	0,16		0,16	CQP	2023-2030
21	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Thanh	Nga Thanh	0,16		0,16	CQP	2023-2030
22	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Thành	Nga Thành	0,16		0,16	CQP	2023-2030
23	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Thủy	Nga Thủy	0,16		0,16	CQP	2023-2030
24	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Tiến	Nga Tiến	0,16		0,16	CQP	2023-2030
25	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Trung	Nga Trung	0,16		0,16	CQP	2023-2030
26	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Văn	Nga Văn	0,16		0,16	CQP	2023-2030
27	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Vịnh	Nga Vịnh	0,16		0,16	CQP	2023-2030
28	Ban chỉ huy quân sự xã Nga Yên	Nga Yên	0,16		0,16	CQP	2023-2030
29	Ban chỉ huy quân sự TT Nga Sơn	TT Nga Sơn	0,16		0,16	CQP	2023-2030
30	Đất quân sự dự trữ	Huyện	29,61		29,61	CQP	2023-2030
1.1.2	***Dự án đất an ninh***		***6,90***		***6,90***		

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
31	Trụ sở công an xã Nga Thành	Nga Thành	0,12		0,12	CAN	2023-2030
32	Trụ sở công an xã Ba Đình	Ba Đình	0,12		0,12	CAN	2023-2030
33	Trụ sở công an xã Nga Thủy	Nga Thủy	0,20		0,20	CAN	2023-2030
34	Trụ sở công an xã Nga Tiến	Nga Tiến	0,12		0,12	CAN	2023-2030
35	Trụ sở công an xã Nga Văn	Nga Văn	0,12		0,12	CAN	2023-2030
36	Trụ sở công an xã Nga Vịnh	Nga Vịnh	0,18		0,18	CAN	2023-2030
37	Trụ sở công an thị trấn Nga Sơn	TT Nga Sơn	0,20		0,20	CAN	2023-2030
38	Trụ sở công an xã Nga Bạch	Nga Bạch	0,12		0,12	CAN	2023-2030
39	Trụ sở công an xã Nga Trường	Nga Trường	0,12		0,12	CAN	2023-2030
40	Trụ sở công an xã Nga Phú	Nga Phú	0,12		0,12	CAN	2023-2030
41	Trụ sở công an xã Nga Thái	Nga Thái	0,12		0,12	CAN	2023-2030
42	Trụ sở công an xã Nga Thiện	Nga Thiện	0,12		0,12	CAN	2023-2030
43	Trụ sở công an xã Nga Thạch	Nga Thạch	0,12		0,12	CAN	2023-2030
44	Trụ sở công an xã Nga Liên	Nga Liên	0,12		0,12	CAN	2023-2030
45	Trụ sở công an xã Nga An	Nga An			0,12	CAN	2023-2030
46	Trụ sở công an xã Nga Điền	Nga Điền			0,12	CAN	2023-2030
47	Trụ sở công an xã Nga Giáp	Nga Giáp	0,12		0,12	CAN	2023-2030
48	Trụ sở công an xã Nga Hải	Nga Hải			0,12	CAN	2023-2030
49	Trụ sở công an xã Nga Phượng	Nga Phượng			0,12	CAN	2023-2030
50	Trụ sở công an xã Nga Tân	Nga Tân			0,12	CAN	2023-2030
51	Trụ sở công an xã Nga Thắng	Nga Thắng	0,12		0,12	CAN	2023-2030
52	Trụ sở công an xã Nga Thanh	Nga Thanh	0,12		0,12	CAN	2023-2030
53	Trụ sở công an xã Nga Trung	Nga Trung	0,12		0,12	CAN	2023-2030
54	Trụ sở công an xã Nga Yên	Nga Yên	0,12		0,12	CAN	2023-2030
55	Trụ sở công an huyện	TT Nga Sơn	1,99	1,99		CAN	2023(chuyển tiếp)
56	Đội CC và CNCH khu vực Nga Sơn	TT Nga Sơn	1,50		1,50	CAN	2023-2030
57	Trụ sở làm việc lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, PCCC và CNCH tại KCN Nga Tân	Nga Tân	2,30		2,30	CAN	2023-2030
2	**Các công trình, dự án còn lại**						
2.1	**Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**						
2.1.1	***Dự án cụm công nghiệp***						
58	Cụm Công nghiệp Tư Sy	Nga Thạch, Nga Bạch, Nga Phượng	12,43		12,43	SKN	2023(chuyển tiếp)
59	Cụm Công nghiệp Tam Linh	Nga Văn, TT Nga Sơn	39,68		39,68	SKN	
60	Cụm Công nghiệp Long Sơn	Nga Tân	55,39		55,39	SKN	2023-2030
2.1.2	***Dự án đất khu công nghiệp***						
61	Khu công nghiệp	Nga Tân	150,00		150,00	SKK	2023-2030
2.1.3	***Dự án đất ở đô thị***		***199,59***	***5,32***	***194,27***		
62	Khu dân phía Tây đê Ngự Hàm	Nga Tiến	13,00		7,80	ODT	2023-2030
62		Nga Tiến			5,20	DHT	2023-2030
63	Đất ở nhà văn hoá thôn 1 (xóm 2 cũ)	Nga Tiến	0,04		0,04	ODT	2023-2030
64	Đất ở nhà văn hoá thôn 2 (xóm 4 cũ)	Nga Tiến	0,04		0,04	ODT	2023-2030
65	Khu dân cư nông thôn xã Nga Văn	Nga Văn	3,81		2,30	ODT	2023(

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							chuyển tiếp)
65		Nga Văn			1,51	DGT	2023(chuyển tiếp)
66	Khu dân cư (tây nhà máy may WINNERS VINA)	Nga Văn	0,65	0,65		ODT	2023(chuyển tiếp)
67	Xen khu dân cư 2017	Nga Văn	0,02	0,02		ODT	2023(chuyển tiếp)
68	Khu dân cư 2018	Nga Văn	0,02	0,02		ODT	2023(chuyển tiếp)
69	Đất ở nông thôn (Núi Sến- Xuân Đài giáp Nga Mỹ cũ)	Nga Văn	2,20		1,54	ODT	2023-2030
69		Nga Văn			0,66	DGT	2023-2030
70	Đất ở nông thôn(Núi Sến- Xuân Đài giáp Nga Thắng)	Nga Văn	3,30		2,31	ODT	2023-2030
70		Nga Văn			0,99	DGT	2023-2030
71	Khu dân cư Đông đường đường chi nhánh điện (giai đoạn 3)	TT Nga Sơn	5,80		3,17	ODT	2023(chuyển tiếp)
71		TT Nga Sơn			2,62	DGT	2023(chuyển tiếp)
72	Khu dân cư phía Đông đường chi nhánh điện (xã Nga Mỹ cũ)	TT Nga Sơn	3,80		2,90	ODT	2023(chuyển tiếp)
72		TT Nga Sơn			0,90	DGT	2023(chuyển tiếp)
73	Khu dân cư hạ tầng kỹ thuật Mả Bịch	TT Nga Sơn	2,51		1,88	ODT	2023(chuyển tiếp)
73		TT Nga Sơn			0,63	DGT	2023(chuyển tiếp)
74	Khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật Đồng Ngọc	TT Nga Sơn	2,51		1,88	ODT	2023(chuyển tiếp)
74		TT Nga Sơn			0,63	DGT	2023(chuyển tiếp)
75	Khu dân cư và hạ tầng Tây hành chính (giai đoạn 3) thị trấn Nga Sơn	TT Nga Sơn	3,30		1,08	ODT	2023(chuyển tiếp)
75		TT Nga Sơn			2,22	DGT	2023(chuyển tiếp)
76	Khu dân cư tiểu khu Ba Đình	TT Nga Sơn	2,50		1,88	ODT	2023-2030
76		TT Nga Sơn			0,63	DGT	2023-2030
77	Khu dân cư Ba Đình 1	TT Nga Sơn	0,35		0,35	ODT	2023-2030
78	Dự án KDC Đông đường chi nhánh điện	TT Nga Sơn	3,10	0,87	1,62	ODT	2023-2030
78		TT Nga Sơn			0,62	DGT	2023-2030
79	Khu dân cư đồng bầu Thuộc mặt	TT Nga Sơn	0,56		0,56	ODT	2023-2030

TT	**Hạng mục**	**Địa điểm**	**Diện tích quy hoạch (ha)**	**Hiện trạng (ha)**	**Tăng thêm**		**Năm thực hiện**
					Diện tích (ha)	**Mã loại đất**	
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**	**(8)**
	bằng QHCT Khu dân cư Đông QL 10 (xã Nga Mỹ cũ)						
80	Khu dân cư mới bắc sông Hưng Long, trị trấn Nga Sơn (4 lô tồn đọng)	TT Nga Sơn	0,05	0,05		ODT	2023(chuyển tiếp)
81	Khu dân cư trường trung cấp nghề	TT Nga Sơn	0,72	0,72		ODT	2023(chuyển tiếp)
82	Khu dân cư trung tâm GDTX	TT Nga Sơn	0,73		0,73	ODT	2023-2030
83	Khu dân cư Bắc Sông Hưng Long (giai đoạn 1)	TT Nga Sơn	4,90		3,50	ODT	2023-2030
83		TT Nga Sơn			1,40	DGT	2023-2030
84	KDC Mậu Tài (Đượng Thông)	TT Nga Sơn	6,00		4,10	ODT	2023-2030
84		TT Nga Sơn			1,90	DGT	2023-2030
85	Khu dân cư mỹ hưng	TT Nga Sơn	5,95		5,95	ODT	2023-2030
85		TT Nga Sơn	0,89		0,89	DKV	2023-2030
85		TT Nga Sơn	5,92		5,92	DGT	2023-2030
85		TT Nga Sơn	0,40		0,40	DTT	2023-2030
85		TT Nga Sơn	0,18		0,18	DVH	2023-2030
85		TT Nga Sơn	0,83		0,83	MNC	2023-2030
85		TT Nga Sơn	0,75		0,75	DGD	2023-2030
86	Khu dân cư rặng tre tiểu khu hưng đạo	TT Nga Sơn	1,20		1,20	ODT	2023-2030
87	Khu dân cư cầu đó	TT Nga Sơn	1,26		1,26	ODT	2023-2030
88	Khu dân cư chài tiểu khu 3	TT Nga Sơn	1,00		1,00	ODT	2023-2030
89	Khu dân cư phía nam chi nhánh điện	TT Nga Sơn	6,50		6,50	ODT	2023-2030
90	Khu dân cư đông trường chu văn an	TT Nga Sơn	1,00	1,00		ODT	2023(chuyển tiếp)
91	Khu dân cư đông QL 10 xã Nga Mỹ cũ	TT Nga Sơn	2,85		2,85	ODT	2023-2030
92	Khu dân Cư đồng Bầu thuộc MBQH khu dân cư phía đông QL 10	TT Nga Sơn	1,98		1,98	ODT	2023(chuyển tiếp)
93	Dự án đất tái định cư thực hiện dự khu dân cư đồng bầu (thuộc mặt bằng Khu dân cư đông quốc lộ 10)	TT Nga Sơn	0,03		0,03	ODT	2023(chuyển tiếp)
94	Khu dân cư tây đường tuấn phương đi chi nhánh điện	TT Nga Sơn	2,49		2,49	ODT	2023(chuyển tiếp)
95	Khu dân cư đông đường chi nhánh điện	TT Nga Sơn	0,87		0,87	ODT	2023(chuyển tiếp)
96	Các khu xen cư Thị Trấn (thuộc MBQH số 1068, ngày 25/11/2021)	TT Nga Sơn	0,12	0,12		ODT	2023(chuyển tiếp)
97	Khu dân cư ao ông Dũng thôn 1 (thuộc MBQHCT số 13, ngày 04/8/2014)	TT Nga Sơn	0,02	0,02		ODT	2023(chuyển tiếp)
98	Khu dân cư ao ông Khải (Thuộc MBQHCT số 17, ngày 10/10/2013)	TT Nga Sơn	0,01	0,01		ODT	2023(chuyển tiếp)
99	Khu dân cư đượng thông tiểu khu 1 (Thuộc MBQHCT số 651, ngày	TT Nga Sơn	0,01	0,01		ODT	2023(chuyển

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	25/5/2014)						tiếp)
100	Khu dân cư tây đường tuấn phương (Thuộc MBQHCT số 1217/QĐ - UBND, ngày 29/5/2018)	TT Nga Sơn	0,02	0,02		ODT	2023(chuyển tiếp)
101	KDC vườn son xóm 7 và Mã Bịch xóm 7 (MBQHCT số 2796 , ngày 13/8/2019)	TT Nga Sơn	0,05	0,05		ODT	2023(chuyển tiếp)
102	Khu dân cư tiểu khu Ba Đình 2	TT Nga Sơn	0,02	0,02		ODT	2023(chuyển tiếp)
103	Khu dân cư phía tây hành chính huyện	TT Nga Sơn	0,05	0,05		ODT	2023(chuyển tiếp)
104	Đất xen cư phía Bắc trường phổ thông trung học Ba Đình	TT Nga Sơn	0,15	0,15		ODT	2023-2030
105	Đất ở phía Bắc trường Chu Văn An mới (xã Nga Mỹ cũ)	TT Nga Sơn	0,20	0,20		ODT	2023-2030
106	Các khu xen cư xã Nga Mỹ cũ	TT Nga Sơn	1,00	1,00		ODT	2023-2030
107	Khu dân cư Đìa sau ô Tới tiểu khu Trung Bắc	TT Nga Sơn	0,10	0,10		ODT	2023-2030
108	Thu hồi 3 lô đất ở để đầu tư hạ tầng thực hiện dự án khu dân cư Đồng Bầu thuộc mặt bằng QHCT Điểm dân cư phía Đông Quốc lộ 10	TT Nga Sơn	0,03	0,03		ODT	2023(Mới)
109	Khu dân cư Bắc nhà máy nước	Nga Yên	0,50		0,25	ODT	2023(chuyển tiếp)
109		Nga Yên			0,25	DGT	2023(chuyển tiếp)
110	Khu dân cư mới xã Nga Yên và khu tái định cư	Nga Yên	7,50		7,50	ODT	2023-2030
110		Nga Yên	7,00		7,00	DHT	
111	Đất ở nông thôn	Nga Yên	1,00		0,65	ODT	2023(chuyển tiếp)
111		Nga Yên			0,35	DGT	2023(chuyển tiếp)
112	Khu dân cư Đông Mắc xóm 8 (khu dân cư hai bên tuyến đường Từ Thức kéo dài đi QL10 đoạn qua xã Nga Yên)	Nga Yên	2,73		2,73	ODT	2023-2030
113	Khu dân cư 2 bên tuyến đường Từ Thức kéo dài (đoạn qua xã Nga Yên) (4 lô 8, 10, 47, 48)	Nga Yên	0,07	0,07		ODT	2023(chuyển tiếp)
114	Khu dân cư Bắc làng nghề	Nga Yên	0,02	0,02		ODT	2023(chuyển tiếp)
115	Khu dân cư đường Từ Thức kéo dài (khu dân cư phía đông trạm y tế)	Nga Yên	0,03	0,03		ODT	2023(chuyển tiếp)
116	Khu tái định cư dự án đường giao	Nga Yên	1,51		0,61	ODT	2023-2030

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
116	thông từ khu Công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Yên)	Nga Yên			0,04	DKV	2023(Mới)
116		Nga Yên			0,86	DGT	2023(Mới)
117	Khu dân cư nông thôn (Đồng chùa Đống Cao)	Nga Yên	1,27		0,90	ODT	2023(chuyển tiếp)
117		Nga Yên			0,37	DGT	2023(chuyển tiếp)
118	Khu dân cư Mỹ Hưng	Nga Yên	4,30	0,07	2,65	ODT	2023(chuyển tiếp)
118		Nga Yên			0,10	DKV	2023(chuyển tiếp)
118		Nga Yên			1,47	DGT	2023(chuyển tiếp)
119	Khu dân cư Bắc Sông Hưng Long (giai đoạn 1)	Nga Yên	11,33		5,70	ODT	2023-2030
119		Nga Yên			5,63	DHT	2023-2030
120	Đất ở nhà văn hoá xóm 3,4,5,6,8,9 cũ	Nga Yên	0,50		0,50	ODT	2023-2030
121	Khu dân cư Kỳ Tại	Nga Liên	4,00		1,05	ODT	2023-2030
121		Nga Liên			0,33	DCH	2023-2030
121		Nga Liên			0,17	DVH	2023-2030
121		Nga Liên			0,44	DTT	2023-2030
121		Nga Liên			0,14	TMD	2023-2030
121		Nga Liên			0,19	DGT	2023-2030
121		Nga Liên			0,10	DGD	2023-2030
121		Nga Liên			1,58	DGT	2023-2030
122	Điểm dân cư giáp nhà thờ giáo xứ Tam Tổng	Nga Liên	3,00		3,00	ODT	2023-2030
123	Khu dân cư nông thôn gần nhà thờ Phúc Lạc	Nga Liên	13,20		5,28	DHT	2023-2030
123		Nga Liên			7,92	ODT	2023-2030
124	Khu dân cư nông thôn (Kênh Ngang Nam thôn 1 Lô)	Nga Thanh	0,02	0,02		ODT	2023(chuyển tiếp)
125	Khu dân cư Mỹ Hưng	Nga Thanh	6,47		3,24	ODT	2023(chuyển tiếp)
125		Nga Thanh			0,21	DKV	2023(chuyển tiếp)
125		Nga Thanh			3,02	DGT	2023(chuyển tiếp)
126	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu Công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 1)	Nga Thanh	2,63		1,05	ODT	2023(Mới)
126		Nga Thanh			1,47	DGT	2023(Mới)
126		Nga Thanh			0,11	DKV	2023(Mới)
127	Khu tái định cư dự án đường giao	Nga Thanh	0,22		0,11	ODT	2023(

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	thông từ Khu Công nghiệp Bỉm						Mới)
127	Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 2)	Nga Thanh			0,11	DGT	2023(Mới)
128	Khu dân cư Nam đường Long Sơn xã Nga Thanh (địa phận thôn 1,2,3)	Nga Thanh	32,00		14,40	ODT	2023-2030
128		Nga Thanh			17,60	DHT	
129	Khu dân cư Bắc công sở xã Nga Thanh	Nga Thanh	4,50		0,90	DGT	2023-2030
129		Nga Thanh			3,60	ODT	2023-2030
2.1.4	***Dự án đất ở nông thôn***		***176,30***	***15,22***	***161,08***		
130	Khu dân cư giáp Nga Thắng	Nga Phượng	0,07		0,07	ONT	2023-2030
131	Khu dân cư nông thôn xã Nga Phượng (điểm dân cư Rọc Tròm, điểm dân cư sau ông Huề) (2 vị trí)	Nga Phượng	1,73		0,45	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Phượng			1,28	ONT	2023(chuyển tiếp)
132	Khu dân cư Chợ Sy xã Nga Phượng	Nga Phượng	5,12		2,80	ONT	2023-2030
		Nga Phượng			2,16	DGT	2023-2030
		Nga Phượng			0,16	DKV	2023-2030
133	Điểm dân cư sau ông Bé	Nga Phượng	0,53		0,36	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Phượng			0,17	DGT	2023(chuyển tiếp)
134	Khu dân cư lò vôi	Nga Hải	0,73		0,73	ONT	2023-2030
135	Khu dân cư đường Từ Thức kéo dài đi Quốc Lộ 10 (Đoạn qua xã Nga Hải)	Nga Hải	4,58		4,58	ONT	2023-2030
136	Khu dân cư xứ đồng khoanh vùng ngoài	Nga Hải	1,00	1,00		ONT	2023(chuyển tiếp)
137	Khu dân cư Lò Vôi thôn Hải Bình	Nga Hải	0,43	0,43		ONT	2023-2030
138	Điểm dân cư nông thôn xã Nga Hải năm 2020 (điểm dân cư Cống Đàn giữa thôn Hải Tiến)	Nga Hải	0,03	0,03		ONT	2023(chuyển tiếp)
139	Điểm dân cư nông thôn năm 2017 xã Nga Hải (điểm số 1: đường quốc lộ 10, khu đất chéo Mả Bò xóm Hải Bình)	Nga Hải	0,04	0,04		ONT	2023(chuyển tiếp)
140	Khu dân cư phía Đông nhà ông Sự thôn Hải Tiến	Nga Hải	2,00		1,27	ONT	2023(chuyển tiếp)
140		Nga Hải			0,73	DGT	2023(chuyển tiếp)
141	Khu dân cư đường từ thức kéo dài (phần đã thu hồi)	Nga Hải	5,32	5,32		ONT	2023(chuyển tiếp)
	Khu dân cư đông đường QL10-phía Tây đường Từ Thức đoạn qua xã Nga Hải	Nga Hải	5,00		2,75	DHT	
142		Nga Hải			2,25	ONT	2023-2030
143	Khu dân cư kênh B6 đi đường bến	Nga Thành	4,70		2,92	ONT	2023(

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	tín cầu vàng						chuyển tiếp)
		Nga Thành			1,78	DGT	2023(chuyển tiếp)
144	Khu dân cư phía Tây đê Ngự hàm 1	Nga Thủy	3,60		2,40	ONT	2023-2030
144		Nga Thủy			0,09	DKV	2023-2030
144		Nga Thủy			0,28	DTL	2023-2030
144		Nga Thủy			0,83	DGT	2023-2030
144	Khu dân cư phía Tây đê Ngự hàm 1 (giai đoạn 2)	Nga Thủy	4,00		2,00	ONT	2023-2030
144		Nga Thủy			2,00	DGT	2023-2030
145	Khu dân cư nông thôn xã Nga thủy	Nga Thủy	2,00		2,00	ONT	2023-2030
146	Tái định cư lô 5, lô 7, lô 10 (dự án Đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn)	Nga Thủy	0,03	0,03		ONT	2023(chuyển tiếp)
147	Khu dân cư nông thôn xã Nga Thủy (Khu cồn cát)	Nga Thủy	5,00		2,50	ONT	2023-2030
		Nga Thủy			2,50	DHT	
148	Khu dân cư phía Bắc UBND xã Nga Vịnh	Nga Vịnh	4,20		2,66	ONT	2023-2030
		Nga Vịnh			1,54	DGT	2023-2030
149	Khu dân cư đường Làn Dài đi xóm 8	Nga An	0,80	0,80		ONT	2023(chuyển tiếp)
150	Khu dân cư B12 đi sông Ngang	Nga An	0,64	0,45		ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga An		0,19		DGT	2023(chuyển tiếp)
151	Đất ở góc đường du lịch phía tây QL 10	Nga An	5,00		2,45	ONT	2023-2030
		Nga An			2,55	DHT	
152	Khu dân cư Tây sông Hoài	Nga An	0,84		0,65	ONT	2023-2030
		Nga An			0,19	DGT	2023-2030
153	Đất ở tái định cư cho 7 hộ xóm Trèo	Nga Điền	0,27		0,27	ONT	2023(chuyển tiếp)
154	Khu dân cư xóm 1	Nga Điền	4,00		2,40	ONT	2023-2030
		Nga Điền			1,60	DHT	
155	Khu dân cư Bái Hồ	Nga Bạch	2,69		1,34	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Bạch			1,35	DGT	2023(chuyển tiếp)
156	Điểm dân cư Bạch Thái	Nga Bạch	0,03		0,03	ONT	2023-2030
157	Điểm dân cư Bạch Đông	Nga Bạch	0,05		0,05	ONT	2023-2030
158	Điểm dân cư thôn Triệu Thành xã Nga Bạch	Nga Bạch	0,04		0,04	ONT	2023-2030
159	Điểm dân cư Ao và Rộc Ông Thắng, thôn Triệu Thành	Nga Bạch	0,03		0,03	ONT	2023-2030
160	Điểm dân cư sau Hiền thôn Bạch Hùng (lô 65, 66, 67)	Nga Bạch	0,04	0,04		ONT	2023(chuyển tiếp)
161	Khu dân cư đồng Cán Cờ thôn Đông Thái	Nga Bạch	0,03	0,03		ONT	2023(chuyển

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							tiếp)
	Khu dân cư mới sau hành chính	Nga Bạch	16,05		7,59	DHT	
162		Nga Bạch			8,46	ONT	2023-2030
163	Khu dân cư Bắc Hưng Long đi Từ Thức (Nga Trường đi Nga Văn)	Nga Trường	2,11	1,37		ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Trường		0,74		DGT	2023(chuyển tiếp)
164	Khu dân cư Bắc Hưng Long đi Từ Thức (Nga Trường đi Nga Văn) (giai đoạn 2)	Nga Trường	3,20	2,08		ONT	2023-2030
164		Nga Trường		1,12		DGT	2023-2030
165	Khu dân cư choi 2	Nga Trường	3,30		1,98	ONT	2023-2030
		Nga Trường			1,32	DHT	
166	Khu dân phía nam đường tỉnh lộ 527B	Nga Trường	10,00		4,00	DHT	2023-2030
		Nga Trường			6,00	ONT	2023-2030
167	Khu dân cư nông thôn	Ba Đình	1,89		1,13	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Ba Đình			0,76	DGT	2023(chuyển tiếp)
168	Khu dân cư nông thôn Đạc 5, Đạc 7 thôn Mậu Thịnh	Ba Đình	7,12		7,12	ONT	2023-2030
169	Hạ tầng điểm dân cư Nội 2 – Nội 1 (khu dân cư Cầu Đá) xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn	Nga Giáp	1,92		1,25	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Giáp			0,67	DGT	2023(chuyển tiếp)
170	Đất ở khu dân cư nông thôn (đất tồn đọng)	Nga Giáp	0,04	0,04		ONT	2023(chuyển tiếp)
171	Khu dân cư xen kẹp	Nga Giáp	1,01		1,01	ONT	2023-2030
172	Đất ở nhà văn hóa thôn Nội 2	Nga Giáp	0,04		0,04	ONT	2023-2030
173	Đất ở nhà văn hóa thôn Nội 1	Nga Giáp	0,03		0,03	ONT	2023-2030
174	Khu dân cư sông Voi	Nga Phú	0,73		0,58	ONT	2023(chuyển tiếp)
174		Nga Phú			0,15	DGT	2023-2030
175	Khu dân cư mới Tân Thịnh (khu trước Tình)	Nga Phú	0,40		0,40	ONT	2023(chuyển tiếp)
176	Khu dân cư áp sân văn hóa xã (khu xen cư)	Nga Phú	0,49		0,30	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Phú			0,19	DGT	2023(chuyển tiếp)
177	Khu dân cư Hang Cóc, Bể lắng xã Nga Phú	Nga Phú	3,93		3,93	ONT	2023-2030
178	Dự án tái định cư phục vụ đường giao thông nội bộ trục đông tây và nạo vét sông Voi, huyện Nga Sơn,	Nga Phú	0,20		0,20	ONT	2023-2030

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	tỉnh Thanh hoá giai đoạn 2: Đoạn từ làng nhân sơn đi sân đền						
179	Khu dân cư nông thôn	Nga Tân	3,79		2,84	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Tân			0,95	DGT	2023(chuyển tiếp)
180	Khu dân cư phía đông đê 2 thôn 5	Nga Tân	0,85		0,85	ONT	2023-2030
181	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Tân)	Nga Tân	0,86		0,26	ONT	2023(Mới)
181		Nga Tân			0,16	DTL	2023(Mới)
181		Nga Tân			0,05	DKV	2023(Mới)
181		Nga Tân			0,39	DGT	2023(Mới)
182	Khu dân cư phía bắc và nam đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	Nga Tân	5,57		3,34	ONT	2023-2030
		Nga Tân			2,23	DHT	
183	Khu dân cư phía tây đê 2 thôn 6	Nga Tân	2,32		2,32	ONT	2023-2030
	Khu dân cư nông thôn mới xã Nga Thái	Nga Thái	6,40		2,90	DHT	
184		Nga Thái			3,50	ONT	2023-2030
185	Khu dân cư Đồng Giáp	Nga Thắng	2,62		2,62	ONT	2023-2030
186	Khu dân cư nông thôn	Nga Thắng	0,80		0,80	ONT	2023-2030
187	Khu dân cư Nam Động Bạch Á	Nga Thiện	5,00		2,33	DHT	2023-2030
		Nga Thiện			2,67	ONT	
188	Khu dân cư đường Bắc Hưng Long đi động Từ Thức (đợt 1)	Nga Thiện	1,29	1,29		ONT	2023-2030
	Khu dân cư hai bên đường Từ Thức kéo dài	Nga Thiện	12,00		3,60	DHT	
		Nga Thiện			8,40	ONT	
189	Khu dân cư mới- đường đi động Từ Thức xã Nga Thiện (đợt 2)	Nga Thiện	4,56		2,68	ONT	2023-2030
		Nga Thiện			1,88	DGT	2023-2030
190	Khu dân cư đông QL 10 (phần đã có quyết định thu hồi 2021)	Nga Trung	3,96		2,03	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Trung			1,93	DGT	2023(chuyển tiếp)
191	Khu dân cư đông QL10 xã Nga Trung	Nga Trung	0,75		0,68	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Trung			0,07	DGT	2023(chuyển tiếp)
192	Khu dân cư đông QL10 xã Nga Trung đợt 2	Nga Trung	1,96		1,08	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Trung			0,88	DGT	2023(chuyển tiếp)
193	Đất ở nhà văn hóa thôn 1 (xóm 2 cũ), xã Nga Trung	Nga Trung	0,05		0,05	ONT	2023-2030

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
194	Đất ở nhà văn hóa thôn 2 (xóm 4 cũ), xã Nga Trung	Nga Trung	0,05		0,05	ONT	2023-2030
195	Đất ở nhà văn hóa thôn 3 (xóm 5 cũ), xã Nga Trung	Nga Trung	0,06		0,06	ONT	2023-2030
196	Đất ở nhà văn hóa thôn 4 (xóm 8 cũ), xã Nga Trung	Nga Trung	0,04		0,04	ONT	2023-2030
197	Đất ở nhà văn hóa thôn 5 (xóm 10 cũ), xã Nga Trung	Nga Trung	0,07		0,07	ONT	2023-2030
198	Đất ở nhà văn hóa thôn 1 (xóm 1 cũ)	Nga Trung	0,05		0,05	ONT	2023-2030
199	Khu dân cư nông thôn	Nga Thạch	1,33		0,97	ONT	2023(chuyển tiếp)
		Nga Thạch			0,36	DGT	2023(chuyển tiếp)
200	Khu dân cư nông thôn (phía tây kênh 19)	Nga Thạch	4,67		3,00	ONT	2023-2030
		Nga Thạch			1,67	DGT	2023-2030
201	Khu Dân cư Nga Thạch MBQHCT số 09/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 (Đồng ông Ất)	Nga Thạch	0,15	0,15		ONT	2023(chuyển tiếp)
202	Khu Dân cư xã Nga Thạch MBQHCT số 1810/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 (MBQH Điểm số 3)	Nga Thạch	0,03	0,03		ONT	2023(chuyển tiếp)
203	Khu Dân cư xã Nga Thạch MBQHCT số 1024/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 (Điểm 02: khu dân cư cồn thần 4 thôn Hậu Trạch)	Nga Thạch	0,04	0,04		ONT	2023(chuyển tiếp)
2.1.5	***Dự án đất cơ sở văn hóa***		***5,29***		***5,29***		
204	Mở rộng khuôn viên nhà VH thôn Hưng Đạo và nhà VH thôn Hoàng Long	Nga Thủy	0,40		0,40	DVH	2023-2030
205	Dự án chuyển vị trí nhà VH thôn Đô Lương và Thôn Lê Lợi.	Nga Thủy	0,50		0,50	DVH	2023-2030
206	Nhà văn hoá thôn An Thọ	Nga Vịnh	0,40		0,40	DVH	2023-2030
207	Mở rộng nhà văn hóa thôn	Nga Vịnh	0,03		0,03	DVH	2023(chuyển tiếp)
208	Nhà văn hoá tiểu khu 3	TT Nga Sơn	0,05		0,05	DVH	2023-2030
209	Nhà văn hoá tiểu khu Hưng Đạo	TT Nga Sơn	0,25		0,25	DVH	2023-2030
210	Nhà văn hoá tiểu khu Bách Lợi	TT Nga Sơn	0,13		0,13	DVH	2023-2030
211	Xây dựng nhà văn hóa thôn	Nga Bạch	0,23		0,23	DVH	2023(chuyển tiếp)
212	Xây dựng Nhà Bia tưởng niệm Liệt Sỹ	Ba Đình	0,17		0,17	DVH	2023-2030
213	Nhà thư viện, nhà truyền thống	Nga Thái	0,07		0,07	DVH	2023-2030
214	Đài tưởng niệm xã Nga Yên	Nga Yên	0,70		0,70	DVH	2023(chuyển tiếp)
215	Mở rộng Nhà văn hóa thôn 1	Nga Trung	0,15		0,15	DVH	2023(chuyển

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							tiếp)
216	Tượng đài xã Nga Tiến	Nga Tiến	0,12		0,12	DVH	2023-2030
217	Nhà văn hóa khu thể thao thôn 1 Phương Phú	Nga Thạch	0,66		0,66	DVH	2023-2030
218	Nhà văn hóa khu thể thao thôn 2 Phương Phú	Nga Thạch	0,45		0,45	DVH	2023-2030
219	Nhà văn hóa khu thể thao thôn 3 Hậu Trạch	Nga Thạch	0,45		0,45	DVH	2023-2030
220	Nhà văn hóa khu thể thao thôn 5 Trung Thành	Nga Thạch	0,53		0,53	DVH	2023-2030
2.1.6	***Dự án đất cơ sở y tế***		***4,64***		***4,64***		
221	Đất y tế khu du lịch Hoàng Cương	Nga Điền	*3,66*		3,66	DYT	2023-2030
222	Mở rộng bệnh viện đa khoa	Nga Yên	*0,98*		0,98	DYT	2023(chuyển tiếp)
2.1.7	***Dự án đất cơ sở giáo dục - đào tạo***		***16,64***	***0,09***	***16,55***		
223	Trường mầm non Nga Vịnh	Nga Vịnh	0,63		0,63	DGD	2023(chuyển tiếp)
224	Mở rộng trường mầm non thị trấn 2 (Xã Nga Mỹ cũ)	TT Nga Sơn	0,09	0,09		DGD	2023-2030
225	Xây dựng mới nhà hiệu bộ và mở rộng khuôn viên trường mầm non thị trấn Nga Sơn	TT Nga Sơn	0,30		0,30	DGD	2023(chuyển tiếp)
226	Xây dựng mới Trường tiểu học Thị trấn 1 và trường THCS thị trấn Nga Sơn. huyện Nga Sơn	TT Nga Sơn	2,00		2,00	DGD	2023(chuyển tiếp)
227	Đất giáo dục khu du lịch Hoàng Cương	Nga Điền	13,47		13,47	DGD	2023-2030
228	Mở rộng trường mầm non xã Nga Trung	Nga Trung	0,15		0,15	DGD	2023(chuyển tiếp)
2.1.8	***Dự án đất cơ sở thể dục, thể thao***		***85,77***	***1,50***	***84,70***		
229	Sân vận động xã Nga Yên	Nga Yên	1,50	1,50		DTT	2023(chuyển tiếp)
230	Sân Golf (khu du lịch Hoàng Cương)	Nga Thiện	84,27		84,70	DTT	2023-2030
2.1.9	***Dự án đất giao thông***		***174,82***		***174,82***		
231	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 524	Nga Phượng, Nga Bạch, Nga Thủy, Nga Thanh, Nga Liên	13,69		13,69	DGT	2023(chuyển tiếp)
232	Đường vào chùa Thượng	Nga Phượng	0,12		0,12	DGT	2023-2030
233	Đường Tây cầu Mè	Nga Phượng	0,80		0,80	DGT	2023-2030
234	Đường Thống Nhất 2 đi cổng làng Đồng Đội	Nga Phượng	0,60		0,60	DGT	2023-2030
235	Đường phía Nam xã đi Vân Hoàn	Nga Phượng	1,00		1,00	DGT	2023-2030
236	Đường giao thông từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	Nga Vịnh, Ba Đình, Nga Trường, Nga Văn, Nga Yên, Nga Thanh, Nga Tân, Nga Thủy	36,56		36,56	DGT	2023(chuyển tiếp)
237	Đường bộ ven biển đoạn qua	Nga Tân, Nga Thủy,	21,60		21,60	DGT	2023-2030

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	huyện Nga Sơn	Nga Tiến, Nga Bạch					
238	Cảng tổng hợp Lạch Sung	Nga Thủy	27,83		27,83	DGT	2023-2030
	Đường nối từ QL 217B đến đường đường giao thông từ KCN Bỉm Sơn Đến đường bộ ven biển	Ba Đình, Nga Vịnh	7,67			DGT	
239	Đường nối từ QL 217B đến đường đường giao thông từ KCN Bỉm Sơn Đến đường bộ ven biển	Nga Vịnh	6,57		6,57	DGT	2023-2030
240	Đường từ thức kéo dài nối QL10 xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn	TT Nga Sơn, Nga Trung, Nga Bạch, Nga Thạch	11,16		11,16	DGT	2023-2030
241	Mở rộng nâng cấp đường từ QL10 xã Nga An đến động Bạch á (đường du lịch)	Nga An, Nga Giáp, Nga Thiện	12,80		12,80	DGT	2023-2030
242	Đất giao thông (khu du lịch Hoàng Cương)	Nga Thiện, Nga Điền	8,00		8,00	DGT	2023-2030
243	Đường vào mỏ Thôn Nội 1 xã Nga Giáp	Nga Giáp	1,32		1,32	DGT	2023-2030
244	Đường giao thông nội bộ trục Đông Tây và nạo vét sông Voi, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2: Đoạn từ làng Nhân Sơn đi sân đền	Nga Phú	2,38		2,38	DGT	2023(chuyển tiếp)
245	Đường nối từ QL10 đến vùng Hoàng Cương (Hữu sông Càn)	Nga Phú	1,00		1,00	DGT	2023-2030
246	Mở rộng quốc lộ 10B	Nga Thạch	0,30		0,30	DGT	
246		Nga Phượng	0,30		0,30	DGT	
246		Nga Trung	0,30		0,30	DGT	
246		TT Nga Sơn	0,30		0,30	DGT	
246		Nga Yên	0,30		0,30	DGT	2023(chuyển tiếp)
247	Mở rộng đường Thanh Tân	Nga Thanh	3,00		3,00	DGT	2023-2030
248	Giao thông nông thôn	Nga Thiện	1,00		1,00	DGT	2023-2030
249	Đường giao thông từ đền thờ Lê Thị Hoa đến đường du lịch	Nga Thiện	4,41		4,41	DGT	2023-2030
250	Đường giao thông xã Nga Trường (42m)	Nga Trường	6,50		6,50	DGT	
251	Đường cứu hộ, cứu nạn đê hữu sông Hoạt, xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn	Nga Thắng	3,51		3,51	DGT	2023-2030
252	Đường Từ Thức kéo dài nối với quốc lộ 10 tại xã Nga Giáp huyện Nga Sơn	Huyện	1,80		1,80	DGT	2023-2030
2.1.10	***Công trình thủy lợi***		***36,58***		***36,58***		
253	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt (đoạn từ K27+700 đến K43+100)	Nga Thắng, Ba Đình, Nga Vịnh, Nga Trường, Nga Thiện	5,10		5,10	DTL	2023(chuyển tiếp)
254	Đê tả sông Càn đoạn qua Hoàng Cương	Nga Thiện, Nga Điền	12,00		12,00	DTL	2023-2030
255	Đê hữu sông Càn đoạn qua Hoàng Cương	Nga Thiện, Nga Điền	14,00		14,00	DTL	2023-2030
256	Tu bổ, nâng cấp đề tả sông Lèn đoạn từ Cầu Thấm đến xã Nga	Nga Thạch, Nga Bạch	4,00		4,00	DTL	2023-2030

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Bạch						
257	Củng cố bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê của sông, huyện Nga Sơn (giai đoạn 2) đoạn C18+22-C87A	Nga Tân	0,60		0,60	DTL	2023(chuyển tiếp)
258	Quy hoạch mương thuỷ lợi phía Đông công ty Thịnh Phát	Nga Yên	0,30		0,30	DTL	2023-2030
259	Dự án thành phần số 9: Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2021-2025 thuộc dự án Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021-2025	Huyện	0,41		0,41	DTL	2023-2030
260	Dự án thành phần số 12: Xử lý cấp bách các cống xung yếu dưới đê tỉnh Thanh Hoá thuộc Dự án Xử lý cấp bách các cống xung yếu từ đê cấp III trở lên	Huyện	0,17		0,17	DTL	2023-2030
2.1.11	***Dự án đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng***		***4,64***		***4,64***		
261	Nghĩa địa Mõm	Nga Hải	0,05		0,05	NTD	2023-2030
262	Mở rộng nghĩa địa C5	Nga Tiến	1,20		1,20	NTD	2023(chuyển tiếp)
263	Mở rộng nghĩa Trang	Nga Trường	0,94		0,94	NTD	2023-2030
264	Nghĩa địa thôn Trung Thành	Nga Thạch	0,55		0,55	NTD	2023(chuyển tiếp)
265	Nghĩa địa thôn Thanh Lãng	Nga Thạch	0,40		0,40	NTD	2023(chuyển tiếp)
266	Nghĩa địa thôn Phương Phú	Nga Thạch	0,40		0,40	NTD	2023(chuyển tiếp)
267	Nghĩa địa thôn Hậu Trạch	Nga Thạch	0,60		0,60	NTD	2023(chuyển tiếp)
268	Mở rộng nghĩa địa núi trâu	Nga An	0,50		0,50	NTD	2023-2030
2.1.12	***Dự án đất năng lượng***		***14,99***	***0,01***	***12,24***		
269	Xây dựng TBA Nga Nhân 9 chống quá tải cho TBA Nga Nhân 1	Nga Phượng	0,01			DNL	2023(chuyển tiếp)
270	Xây dựng TBA Nga Hải 7 chống quá tải cho TBA Nga Hải 1	Nga Hải	0,02			DNL	2023(chuyển tiếp)
271	Xây dựng TBA Nga Hải 7 chống quá tải cho TBA Nga Hải 1	Nga Hải	0,02			DNL	2023(chuyển tiếp)
272	Xây dựng TBA Nga Thành 6 chống quá tải cho TBA Nga Thành 3	Nga Thành	0,01		0,01	DNL	2023(chuyển tiếp)
273	Đường dây và TBA 110 kV Nga Sơn	Ba Đình, Nga Vịnh, Nga Văn, TT Nga Sơn, Nga Yên, Nga Thanh, Nga Tân, Nga Thủy, Nga Bạch	0,72		0,72	DNL	2023(chuyển tiếp)

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
274	Chống quá tải lưới điện huyện Nga Sơn	Nga Trường, Nga Giáp, Nga Bạch, Nga Thủy	0,05		0,05	DNL	2023(chuyển tiếp)
275	Chống quá tải lưới điện huyện Nga Sơn	Nga Trường, Nga Giáp, Nga Bạch, Nga Thủy	0,05		0,05	DNL	2023(chuyển tiếp)
276	Xây dựng trạm điện Nga Văn	Nga Văn	0,01		0,01	DNL	2023(chuyển tiếp)
277	Xây dựng 1 phần lộ 971 trung gian Nga Sơn từ lưới 10KV lên vận hành cấp điện áp 22KV	Nga Vịnh, Nga Văn, Ba Đình	0,10		0,10	DNL	2023(chuyển tiếp)
278	Đường dây 220kv Nam Định 1- Hậu Lộc	Nga Điền, Nga Phú, Nga Thiện, Nga Trường, Nga Văn, Ba Đình, Nga Thắng	2,50			DNL	2023-2030
279	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Bỉm Sơn- Nga Sơn	Ba Đình, Nga Trường, Nga Vịnh	0,45		0,45	DNL	2023(chuyển tiếp)
280	Xây dựng trạm 110KV chống quá tải cải tạo lưới điện trên địa bàn huyện Nga Sơn	TT Nga Sơn	0,40		0,40	DNL	2023(chuyển tiếp)
281	Mở rộng nhà điều hành và trạm trung gian Nga Sơn	TT Nga Sơn	0,30		0,30	DNL	2023(chuyển tiếp)
282	Xây dựng TBA Nga Bạch 6 chống quá tải cho TBA Nga Bạch 1	Nga Bạch	0,01	0,01		DNL	2023(chuyển tiếp)
283	Xây dựng TBA Trung gian chống quá tải cho TBA Trung gian Nga Sơn	Nga Bạch	0,07			DNL	2023(chuyển tiếp)
284	Xây dựng TBA Nga Trường 6 chống quá tải cho TBA Nga Trường 4	Nga Trường	0,01			DNL	2023(chuyển tiếp)
285	Trạm biến áp 110KV Nga Sơn	Nga Trường	0,54		0,54	DNL	2023(chuyển tiếp)
286	Xây dựng TBA Ba Đình 7 chống quá tải cho TBA Ba Đình 2	Ba Đình	0,01			DNL	2023(chuyển tiếp)
287	Xây dựng TBA Nga Giáp 7 chống quá tải cho TBA Nga Giáp 5	Nga Giáp	0,02			DNL	2023(chuyển tiếp)
288	Xây dựng TBA Nga Giáp 7 chống quá tải cho TBA Nga Giáp 5	Nga Giáp	0,02			DNL	2023(chuyển tiếp)
289	Xây dựng trạm 110KV chống quá tải cải tạo lưới điện trên địa bàn huyện Nga Sơn	Nga Tân	0,48		0,48	DNL	2023(chuyển tiếp)
290	Xây dựng ĐZ 0,4kV sau TBA Nga Tân 4	Nga Tân	0,01			DNL	2023(chuyển tiếp)
291	Xây dựng TBA Nga Thái 9 chống quá tải cho TBA Nga Thái 5	Nga Thái	0,01			DNL	2023(chuyển

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							tiếp)
292	Xây dựng TBA Nga Thắng 6 chống quá tải cho TBA Nga Thắng 2 và Nga Thắng 5	Nga Thắng	0,04			DNL	2023(chuyển tiếp)
293	Đường dây 500 kV Nam Định 1 - Thanh Hoá	Nga Điền, Nga Phú, Nga Thiện, Nga Trường, Nga Văn, Ba Đình, Nga Thắng	5,10		5,10	DNL	2023-2030
294	Chống quá tải TBA và lưới điện hạ áp khu vực Bỉm Sơn, Hà Trung, Nga Sơn	Nga Trung	0,01		0,01	DNL	2023(chuyển tiếp)
295	Trạm điện	Nga Thạch	0,02		0,02	DNL	2023(chuyển tiếp)
296	Dự án cái tạo lưới điện chống quá tải trên địa bàn huyện Nga Sơn	Huyện	2,30		2,30	DNL	2023(chuyển tiếp)
297	Đường dây và trạm biến áp 110 kV Nga Sơn	Huyện	1,70		1,70	DNL	2023-2030
2.1.13	***Dự án đất có di tích lịch sử, văn hóa***		***19,14***		***19,14***		
298	Đất di tích chùa Vân Lỗi	Nga Phượng	2,51		2,51	DDT	2023-2030
299	Mở rộng phủ Trèo, chùa Hà	Nga An	1,50		1,50	DDT	2023-2030
300	Bảo tồn, tôn tạo đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình, huyện Nga Sơn (hạng mục xây dựng quảng trường và các hạng mục phụ trợ khác)	Ba Đình	4,00		4,00	DDT	2023(chuyển tiếp)
301	Xây dựng đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình	Ba Đình	2,25		2,25	DDT	2023(chuyển tiếp)
302	Bảo tồn, tôn tạo di tích đền thờ Mai An Tiêm	Nga Phú	8,66		8,66	DDT	2023-2030
303	Mở rộng chùa Thạch Tuyền	Nga Thạch	0,22		0,22	DDT	2023-2030
2.1.14	***Dự án đất trụ sở cơ quan***		***0,83***	***0,83***			
304	Trụ sở viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn	TT Nga Sơn	0,30	0,30		TSC	2023(chuyển tiếp)
305	Mở rộng công sở thị trấn Nga Sơn	TT Nga Sơn	0,53	0,53		TSC	2023-2030
2.1.15	***Dự án đất bưu chính, viễn thông***		***0,56***		***0,56***		
306	Công trình hạ tầng bưu chính viễn thông	Nga Phượng	0,07		0,07	DBV	2023-2025
		Nga Tân	0,02		0,02	DBV	2023-2025
		Nga Thái	0,02		0,02	DBV	2023-2025
307	Xây dựng trạm phát sóng di động	Ba Đình	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga An	0,02		0,02	DBV	2023-2025
		Nga Bạch	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Điền	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Giáp	0,02		0,02	DBV	2023-2025
		Nga Hải	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Liên	0,02		0,02	DBV	2023-2025
		Nga Phú	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Phượng	0,04		0,04	DBV	2023-2025
		Nga Tân	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Thạch	0,02		0,02	DBV	2023-2025

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Nga Thái	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Thắng	0,02		0,02	DBV	2023-2025
		Nga Thanh	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Thành	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Thiện	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Thủy	0,02		0,02	DBV	2023-2025
		Nga Tiến	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Trung	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Trường	0,02		0,02	DBV	2025-2030
		Nga Văn	0,02		0,02	DBV	2023-2025
		Nga Vịnh	0,02		0,02	DBV	2023-2025
		Nga Yên	0,02		0,02	DBV	2023-2025
		TT Nga Sơn	0,02		0,02	DBV	2023-2025
2.1.16	***Dự án đất cơ sở tôn giáo***		***4,01***	***1,14***	***2,87***		
308	Mở rộng giáo xứ Bạch Câu	Nga Bạch	0,04		0,04	TON	2023-2030
309	Khôi phục, tôn tạo chùa Hợp Long	Nga Trường	0,90	0,90		TON	2023-2030
310	Chùa Bạch Tượng	Nga Giáp	0,75		0,75	TON	2023-2030
311	Nhà thờ Chính Giáo (Giáo xứ Tân Hải)	Nga Phú	0,14		0,14	TON	2023(chuyển tiếp)
312	Mở rộng giáo xứ Tam Linh	Nga Thắng	0,30		0,30	TON	2023(chuyển tiếp)
313	Mở rộng nhà thờ Phúc Lạc	Nga Liên	0,24	0,24		TON	2023(chuyển tiếp)
314	Mở rộng giáo xứ Vĩnh Thiện	Nga Liên	0,71		0,71	TON	2023(chuyển tiếp)
315	Mở rộng nhà thờ Tam Tổng	Nga Liên	0,30		0,30	TON	2023-2030
316	Xây dựng nhà thờ Nhật Hải- Tiến Giáo	Nga Thanh	0,25		0,25	TON	2023(chuyển tiếp)
317	Mở rộng khuôn viên chùa Kim Quy	TT Nga Sơn	0,38		0,38	TON	
2.1.17	***Dự án đất tín ngưỡng***		***1,50***	***0,31***	***1,19***		
318	Đất tín ngưỡng Nghè Mái	Nga Phượng	0,50		0,50	TIN	2023-2030
319	Đền Ơ-Rô	Nga Giáp	0,03		0,03	TIN	2023-2030
320	Nghè Nội 2	Nga Giáp	0,03		0,03	TIN	2023-2030
321	Nghè Nội 1	Nga Giáp	0,03		0,03	TIN	2023-2030
	Mở rộng đền thờ Lê Thị Hoa	Nga Thiện	0,60		0,60	TIN	2023-2030
322	Dự án khôi phục, tôn tạo Đình Đông	Nga Trung	0,31	0,31		TIN	2023(chuyển tiếp)
2.1.18	***Dự án đất chợ***		***0,24***		***0,24***		
323	Chợ xã Ba Đình	Ba Đình	0,24		0,24	DCH	2023-2030
2.1.19	***Dự án đất khu vui chơi, giải trí công cộng***		***81,16***		***81,16***		
324	Hạ tầng khu dân cư Tây nhà máy may WinnerVina	Nga Văn	1,04		1,04	DKV	2023-2030
325	Khu vui chơi	Nga Tiến	0,12		0,12	DKV	2023-2030
326	Đất khu vui chơi, giải trí (khu du lịch Hoàng Cương)	Nga Điền	80,00		80,00	DKV	2023-2030

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.1.20	***Dự án đất bãi thải, xử lý chất thải***		***18,40***		***18,40***		
327	Bãi thải cho dự án nâng cấp hệ thống sông Lèn	Nga Thủy	7,40		7,40	DRA	2023(chuyển tiếp)
328	Bãi đổ thải đường ven biển và đường Long Sơn	Nga Tân	11,00		11,00	DRA	2023(chuyển tiếp)
2.1.21	***Dự án đất danh lam thắng cảnh***		***0,50***		***0,50***		
329	Đất danh lam thắng cảnh (phía Đông chùa Hàn Sơn)	Nga Điền	0,50		0,50	DDL	2023-2030
2.1.22	***Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội***		***18,00***		***18,00***		
330	Viện dưỡng lão	TT Nga Sơn	3,00		3,00	DXH	2023-2030
331	Viện dưỡng lão	Nga Thiện, Nga Điền	15,00		15,00	DXH	2023-2030
2.2	***Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất***						
2.2.1	***Dự án đất thương mại dịch vụ***		***131,00***		***131,00***		
332	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Thành	0,20		0,20	TMD	2023-2030
333	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Tiến	0,10		0,10	TMD	2023-2030
334	Đất thương mại dịch vụ	Nga Tiến	1,00		1,00	TMD	2023-2030
335	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Vịnh	0,18		0,18	TMD	2023-2030
336	Khu thương mại dịch vụ	TT Nga Sơn	0,51		0,51	TMD	2023-2030
337	Mở rộng quỹ tín dụng nhân dân Nga Mỹ cũ	TT Nga Sơn	0,30		0,30	TMD	2023-2030
338	Khu thương mại dịch vụ (trụ sở làm việc công an cũ)	TT Nga Sơn	0,32		0,32	TMD	2023-2030
339	Khu thương mại dịch vụ (trụ sở viện kiểm soát nhân dân cũ	TT Nga Sơn	0,07		0,07	TMD	2023-2030
340	Đất thương mại dịch vụ (khu xóm 9)	Nga An	0,51		0,51	TMD	2023-2030
341	Đất thương mại dịch vụ	Nga An	0,15		0,15	TMD	2023-2030
342	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Bạch	0,05		0,05	TMD	2023-2030
343	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Trường	0,09		0,09	TMD	2023-2030
344	Đất xây dựng cây xăng	Nga Phú	0,30		0,30	TMD	2023-2030
345	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Thắng	0,10		0,10	TMD	2023-2030
	Đất thương mại dịch vụ	Nga Thắng	2,00		2,00	TMD	
347	Đất thương mại dịch vụ (khu du Hoàng Cương)	Nga Thiện	100,00		100,00	TMD	2023-2030
348	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Thái	0,10		0,10	TMD	2023-2030
349	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Phú	0,10		0,10	TMD	2023-2030
350	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Liên	0,10		0,10	TMD	2023-2030
351	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Thiện	0,10		0,10	TMD	2023-2030
352	Hợp tác xã nông nghiệp	Ba Đình	0,10		0,10	TMD	2023-2030
353	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga An	0,10		0,10	TMD	2023-2030
354	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Điền	0,10		0,10	TMD	2023-2030
355	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Giáp	0,10		0,10	TMD	2023-2030
356	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Hải	0,10		0,10	TMD	2023-2030
357	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Phượng	0,10		0,10	TMD	2023-2030
358	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Tân	0,10		0,10	TMD	2023-2030
359	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Thạch	0,10		0,10	TMD	2023-2030
360	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Thanh	0,10		0,10	TMD	2023-2030
361	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Thủy	0,10		0,10	TMD	2023-2030
362	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Trung	0,10		0,10	TMD	2023-2030
363	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Văn	0,10		0,10	TMD	2023-2030

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
364	Hợp tác xã nông nghiệp	Nga Yên	0,10		0,10	TMD	2023-2030
365	Hợp tác xã nông nghiệp	TT Nga Sơn	0,10		0,10	TMD	2023-2030
366	Đất thương mại dịch vụ	Nga Điền, Nga Thiện	22,93		22,93	TMD	2023-2030
2.2.2	***Dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp***		***76,93***		***76,93***		2023-2030
367	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Nga Thủy	6,87		6,87	SKC	2023-2030
368	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Nga Tiến	1,00		1,00	SKC	
369	Xưởng sản xuất cói xuất khẩu	TT Nga Sơn	0,73		0,73	SKC	2023(chuyển tiếp)
370	Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cói thủ công mỹ nghệ và phụ kiện ngành may tại xã Nga An	Nga An	2,00		2,00	SKC	2023(chuyển tiếp)
371	Khu sản xuất kinh doanh (Đồng đường chùa)	Nga An	1,91		1,91	SKC	2023-2030
372	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Nga An	2,00		2,00	SKC	2023-2030
373	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nga An	1,28		1,28	SKC	2023(chuyển tiếp)
374	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nga An	3,00		3,00	SKC	2023-2030
375	Xưởng sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu từ gỗ	Nga An	2,00		2,00	SKC	2023(chuyển tiếp)
376	Nhà máy sản xuất gạch bi	Nga An	0,25		0,25	SKC	2023-2030
377	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Nga Trường	10,00		10,00	SKC	2023-2030
378	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Nga Trường	3,00		3,00	SKC	2023-2030
379	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Nga Trường	1,00		1,00	SKC	2023-2030
380	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Nga Trường	1,00		1,00	SKC	2023-2030
381	Xưởng sản xuất kinh doanh giày da, may mặc gia công tổng hợp tại xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Thịnh Phát	Nga Yên	2,40		2,40	SKC	2023(chuyển tiếp)
382	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nga Yên	1,00		1,00	SKC	2023(chuyển tiếp)
383	Dự án in ấn quảng cáo đồ gỗ nội thất giầy da may mặc	Nga Yên	1,60		1,60	SKC	2023-2030
384	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nga Giáp, Nga Thành	1,30		1,30	SKC	2023-2030
384	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nga Giáp	0,51		0,51	SKC	2023-2030
384	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nga Thành	0,79		0,79	SKC	2023-2030
385	Đất sản xuất kinh doanh phi nông	Nga Liên	0,10		0,10	SKC	2023-2030

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Năm thực hiện
					Diện tích (ha)	Mã loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	nghiệp						
386	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Nga Thanh	1,30		1,30	SKC	2023-2030
387	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Nga Thanh	4,48		4,48	SKC	2023-2030
388	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Nga Thanh	2,00		2,00	SKC	2023-2030
389	Dự án đất sản xuất kinh doanh Tuấn Trường Phát, xã Nga Thạch	Nga Thạch	3,03		3,03	SKC	2023(chuyển tiếp)
390	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nga Thạch	8,50		8,50	SKC	2023(chuyển tiếp)
391	Dự án khu sản suất kinh doanh Ninh Tự PP	Nga Thạch	0,15		0,15	SKC	2023-2030
392	Khu khai trường	Nga Giáp	6,9		6,9	SKC	2023-2030
393	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Huyện	6,83		6,83	SKC	2023-2030
2.2.3	***Dự án đất khai thác khoáng sản***		***17,07***		***17,07***		2023-2030
394	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng vật liệu thông thường tại núi Hào xã Nga An	Nga An	6,00		6,00	SKS	2023-2030
395	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng vật liệu thông thường tại xã Nga Giáp	Nga Giáp	8,60		8,60	SKS	2023-2030
396	Đất khai thác khoáng sản dự trữ	Nga An	2,47		2,47	SKS	2023-2030
2.2.4	***Dự án đất hàng năm khác***						
2.2.5	***Dự án đất trồng cây lâu năm***		***7,00***		***7,00***		
397	Đất trồng cây lâu năm	Nga Thanh	7,00		7,00	CLN	2023-2030
2.2.6	***Dự án đất rừng sản xuất***						
2.2.7	***Dự án nuôi trồng thủy sản***		***17,60***		***17,60***		
398	Đất nuôi trồng thuỷ sản ở Nga Tân	Nga Tân	17,60		17,60	NTS	2023-2030
2.2.8	***Đất nông nghiệp khác***						
	Trang trại tổng hợp	Nga Thắng	5,75		5,75	NKH	2023-2030

II. TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

Bảng 2: Cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nga Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2022	Diện tích phân khai theo QĐ 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	Nhu cầu sử dụng đất theo phương án điều chỉnh đến 2030	So sánh chỉ tiêu giữa phân khai và nhu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		**15.779,97**	**15.779,97**	**15.779,97**	
I	**Loại đất**					
1	***Đất nông nghiệp***	***NNP***	***9.201,02***	***8.450,36***	***8.489,36***	***39,00***
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.878,50	3.758,88	3.758,88	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2022	Diện tích phân khai theo QĐ 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	Nhu cầu sử dụng đất theo phương án điều chỉnh đến 2030	So sánh chỉ tiêu giữa phân khai và nhu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*3.781,95*	*3.558,88*	*3.558,88*	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.653,56		1.857,21	1.857,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	323,16	314,13	314,13	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	333,74	315,31	315,31	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	136,53	136,54	136,53	-0,01
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	948,47		812,73	812,73
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	927,06		1.294,57	1.294,57
2	***Đất phi nông nghiệp***	***PNN***	***5.072,11***	***6.122,95***	***6.083,95***	***-39,00***
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	34,21	98,97	98,97	
2.2	Đất an ninh	CAN	2,20	9,10	9,10	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		150,00	150,00	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	19,00	126,50	126,50	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,56	132,84	132,84	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	25,17	100,52	100,52	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	25,39	42,46	42,46	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	6,76		6,76	6,76
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.267,37	2.465,96	2.575,67	109,71
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	1.373,45	1.450,16	1.450,16	
-	Đất thủy lợi	DTL	436,67	478,56	478,56	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	32,21	37,21	37,21	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,58	13,81	13,81	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	64,66	70,45	79,31	8,86
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	41,85	126,57	126,57	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,74	6,25	15,43	9,18
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,96	5,94	5,94	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	38,87	57,26	57,26	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,69	22,81	22,81	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,51	14,66	15,79	1,13
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	240,16	243,23	243,23	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			18,00	18,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2022	Diện tích phân khai theo QĐ 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	Nhu cầu sử dụng đất theo phương án điều chỉnh đến 2030	So sánh chỉ tiêu giữa phân khai và nhu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
-	Đất chợ	DCH	11,02		11,59	11,59
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		0,50	0,50	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,67		84,48	84,48
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.052,06	1.922,00	1.922,00	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	162,13	507,00	507,00	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,78	16,69	16,69	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,39	0,95	0,95	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	7,00		8,19	8,19
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	347,88		219,63	219,63
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	77,59		70,95	70,95
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	22,95		10,74	10,74
3	***Đất chưa sử dụng***	***CSD***	***1.506,84***	***1.206,66***	***1.206,66***	

PHẦN IV

PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

Nhu cầu sử dụng đất trong phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

Bảng 3: Danh mục công trình dự án thực hiện trong năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
1	**Công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**						
1,1	**Công trình, dự án mục đích an ninh**	**2,00**		**2,00**			
1	Trụ sở công an huyện	2,00		2,00	CAN	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 7166/QĐ-BCA-H02 ngày 14/8/2020 của Bộ công an phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng , nâng cấp cơ sở làm việc Công an huyện Nga Sơn , Quan Hóa thuộc công an tỉnh Thanh Hóa.
2	Trụ sở công an thị trấn	0,20		0,20	CAN	Thị trấn Nga Sơn	
1,2	**Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**						
1.2.2	**Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất**						
1.2.2.1	***Dự án công trình giao thông***	**1,18**		**1,18**			
1	Đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn	1,18		1,18	DGT	Nga Tân, Nga Thủy; Nga Tiến; Nga Bạch	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2	**Công trình, dự án cấp huyện**						
2.1	**Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**						
2.1.1	**Dự án khu dân cư nông thôn**	**57,68**	**12,84**	**44,85**			
1	Khu dân cư nông thôn	1,88		1,13	ONT	Xã Ba Đình	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND
				0,76	DGT	Xã Ba	

						Đình	ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
2	Khu dân cư đường Làn Dài đi xóm 8	0,50		0,50	ONT	Xã Nga An	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất
3	Khu dân cư tây sông Hoài	0,50		0,50	ONT	Xã Nga An	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 57/NQ-HDND ngày 18/8/2022 của HĐND tỉnh huyện Nga Sơn về việc quyết định chủ trương đầu tư
4	Khu dân cư B12 đi sông Ngang	0,44		0,26	ONT	Xã Nga An	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 58/NQ- HĐND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				0,19	DGT		
5	Khu dân cư Bái Hồ	2,69		1,34	ONT	Xã Nga Bạch	Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				1,35	DGT	Xã Nga Bạch	Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
6	Đất ở tái định cư cho 7 hộ xóm Trèo	0,27		0,27	ONT	Xã Nga Điền	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
7	Khu dân cư Nội 2 - Nội 1 (Khu dân cư Cầu Đá)	1,92		1,25	ONT	Xã Nga Giáp	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 23/NQ-HDND ngày 06/5/2022 của HDND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				0,67	DGT		
8	Khu dân cư Kỳ Tại	0,92		*0,59*	*ONT*	Xã Nga Liên	Nghị quyết 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
				0,33	*DCH*	Xã Nga Liên	
9	Khu dân cư sông Voi	1,04		0,82	ONT	Xã Nga Phú	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
				0,22	DGT		
10	khu dân cư áp sân văn hóa xã, khu dân cư mới Tân Thịnh xã Nga Phú	0,49		0,30	ONT	Xã Nga Phú	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 48/NQ-HDND ngày 18/8/2022 của HDND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				0,19	DGT		
11	khu dân cư nông thôn xã Nga Phượng (điểm dân cư Rọc Tròm, điểm dân cư sau ông Huề)	1,73		1,16	ONT	Xã Nga Phượng	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 47/NQ-HDND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				0,57	DGT	Xã Nga Phượng	
13	Khu dân cư sau ông Bé	0,53		0,53	ONT	Xã Nga Phượng	Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
13	Khu dân cư nông thôn	3,79		2,84	ONT	Xã Nga Tân	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
				0,95	DGT	Xã Nga Tân	

14	Khu dân cư nông thôn	1,33		0,97	ONT	Xã Nga Thạch	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 59/NQ-HDND ngày 18/8/2022 của HDND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				0,36	DGT		
15	Khu dân cư thôn 3	0,98		0,75	ONT	Xã Nga Thanh	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
				0,23	DGT	Xã Nga Thanh	
16	Khu dân cư Mỹ Hưng	6,48		3,24	ONT	Xã Nga Thanh	Nghị quyết 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
				0,21	DKV	Xã Nga Thanh	
				3,02	DGT	Xã Nga Thanh	
17	Khu dân cư kênh B6 đi đường bến tín cầu vàng	3,20		2,05	ONT	Xã Nga Thành	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá ; Quyết định số 96/ QĐ-UBND Nga Sơn 19/01/2021 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư kênh B6 đi đường bến tín cầu vàng xã Nga Thành
				1,15	DGT		
18	Khu dân cư Bắc Hưng Long đi Từ Thức, (Nga Trường đi Nga Văn)	2,11	1,37		ONT	Xã Nga Trường	Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018/NQ-HĐND ;Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 11/24/2021 của UBND huyện Nga Sơn (đã hoàn thành giải phóng mặt bằng)
			0,74		DGT	Xã Nga Trường	Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018/NQ-HĐND ;Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 11/24/2021 của UBND huyện Nga Sơn (đã hoàn thành giải phóng mặt bằng)
19	Khu dân cư Bắc nhà máy nước	0,50		0,25	ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				0,25	DGT		
20	Khu dân cư Mỹ Hưng	4,30	0,07	2,65	ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá/NQ-HĐND ngày 6/12/2020
				0,10	DKV		
				1,47	DGT		
21	Khu dân cư nông thôn (Đông chùa Đống Cao)	1,27		0,90	ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				0,37	DGT		
22	Đất ở nông thôn	1,00		0,65	ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
				0,35	DGT		
23	Khu dân cư nông thôn (đông ông Sự)	2,00		1,27	ONT	Xã Nga Hải	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh
				0,73	DGT		

							Hoá; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
24	Khu dân cư xứ đồng khoanh vùng ngoài	0,63		0,63	ONT	Xã Nga Hải	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá (Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng)
25	Khu dân cư đường từ thức kéo dài (phần đã thu hồi)	5,32	5,32		ONT	Xã Nga Hải	Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018/NQ-HĐND;Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND huyện Nga Sơn về thu hồi đất (đã giải phóng mặt bằng)21 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất (đã giải phóng mặt bằng);
26	Khu dân cư nông thôn (Nga Trung)	0,12	0,10		ONT	Xã Nga Trung	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, Quyết định 1516/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Nga sơn về việc thu hồi đất
			0,02		DGT	Xã Nga Trung	
27	Khu dân cư đông quốc lộ 10	3,96	2,03		ONT	Xã Nga Trung	Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh ; Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Nga Sơn; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
			1,93		DGT	Xã Nga Trung	Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018/NQ-HĐND ;Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Nga Sơn; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/7/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
28	Khu dân cư đông Quốc lộ 10 (Nga Trung)	0,75		0,68	ONT	Xã Nga Trung	Nghị quyết 241/NQ- HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa ;Nghị quyết số 40/NQ- HĐND ngày 18/7/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				0,07	DGT	Xã Nga Trung	
29	Khu dân cư đông quốc lộ 10 xã Nga Trung đợt 2	1,08		1,08	ONT	Xã Nga Trung	Nghị quyết 241/NQ- HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa ; Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của UBND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
		0,88		0,88	DGT		Nghị quyết 241/NQ- HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa (Đã hoàn thành GPMB)
30	Khu dân cư nông thôn xã Nga Văn	3,81		2,30	ONT	Xã Nga Văn	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 52/NQ-HĐND

							ngày 18/8/2022 của HDND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				1,51	DGT	Nga Văn	
31	Đất ở khu dân cư nông thôn (đất tồn đọng)	0,04	0,04		ONT	Xã Nga Giáp	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất; Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất
32	Khu dân cư (tây nhà máy may WINNERS VINA)	0,65	0,65		ONT	Xã Nga Văn	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khu đất K1; K2; K3; K12, (Tây nhà máy may WNNES VINA) tại mặt bằng số 195/QĐ-UBND ngày 24/1/2018 xã Nga Văn (thu hồi 2.471ha); Quyết định số 1163/QĐ-UBND Nga Sơn 07/12/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đợt 2 khu đất (Tây nhà máy may WNNES VINA) tại mặt bằng số 195/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 xã Nga Văn, huyện Nga Sơn
33	Xen khu dân cư xã Nga Văn	0,02	0,02		ONT	Xã Nga Văn	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất 2017 xã Nga Văn; Thông báo số 119/TB-UBND ngày 23/6/2017 của UBND huyện Nga Sơn về chủ trương lập hồ sơ và thông báo thu hồi đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở năm 2017
34	Khu dân cư xã Nga Văn	0,02	0,02		ONT	Xã Nga Văn	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh; Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2018, xã Nga Văn
35	Điểm dân cư nông thôn xã Nga Hải năm 2020 (điểm dân cư Cống Đàn giữa thôn Hải Tiến)	0,03	0,03		ONT	Xã Nga Hải	Nghị quyết sô 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi dất thực hiện dự án khu dân cư nông thôn xã Nga Hải, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
36	Điểm dân cư nông thôn năm 2017 xã Nga Hải (điểm số 1: đường quốc lộ 10, khu đất chéo Mả Bò xóm Hải Bình)	0,04	0,04		ONT	Xã Nga Hải	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh ;Nghị Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND huyện Nga

							Sơn về việc thu hồi đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất (thu hồi 1.2505ha)
37	Khu dân cư 2 bên tuyến đường Từ Thức kéo dài (đoạn qua xã Nga Yên) (4 lô 8, 10, 47, 48)	0,07	0,07		ONT	Xã Nga Yên	Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh;Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đợt 1 khu dân cư 2 bên tuyến đường động Từ Thức kéo dài (đoạn qua xã Nga Yên) tại mặt bằng số 1496/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 xã Nga Yên, huyện Nga Sơn
38	Khu dân cư Bắc làng nghề	0,02	0,02		ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh ;Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc điều chỉnh quyết định số 1353/QĐ -UBND huyện Nga Sơn ngày 26/12/2018 tại mặt bằng số 4548/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 xã Nga Yên, huyện Nga Sơn
39	Khu dân cư đường Từ Thức kéo dài (khu dân cư phía đông trạm y tế)	0,03	0,03		ONT	Xã Nga Yên	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 (thu hồi đất, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở năm 2018 xã Nga Yên) của UBND huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
40	Khu dân cư nông thôn (Kênh Ngang Nam thôn 1 Lô)	0,02	0,02		ONT	Xã Nga Thanh	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa
41	Khu Dân cư Nga Thạch MBQHCT số 09/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 (Đông ông Át)	0,15	0,15		ONT	Xã Nga Thạch	Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 4/7/2014 của HĐND tỉnh; Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2015, xã Nga Thạch (thu hồi 0.50913ha)
42	Khu Dân cư xã Nga Thạch MBQHCT số 1810/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 (MBQH Điểm số 3)	0,03	0,03		ONT	Xã Nga Thạch	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND huyện Nga Sơn về thu hôi đất , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở đợt 1 năm 2018, xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn (thu hồi 1.81769ha)
43	Khu Dân cư xã Nga Thạch MBQHCT số 1024/QĐ-	0,04	0,04		ONT	Xã Nga Thạch	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết

	UBND ngày 18/11/2020 (Điểm 02: khu dân cư cồn thần 4 thôn Hậu Trạch)						định số 1136/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện Nga Sơn về thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn (0.8697ha)
44	Điểm dân cư sau Hiền thôn Bạch Hùng (lô 65, 66, 67)	0,04	0,04		ONT	Xã Nga Bạch	Nghị quyết 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số số 959/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đát năm 2019 (thu hồi 1.52562ha)
45	Khu dân cư đồng Cán Cờ thôn Đông Thái	0,03	0,03		ONT	Xã Nga Bạch	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số số 1086/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện dự án khu dân cư nông thôn xã Nga Bạch (thu hồi 0.99894ha)
48	Tái định cư lô 5, lô 7, lô 10 (dự án Đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn)	0,03	0,03		ONT	Xã Nga Thủy	Nghị quyết 89/NQ-HĐND ngày 7/12/2017 của HĐND tỉnh ; Quyết định 906/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc đính chính tại điều 1 quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND Nga Sơn (thu hồi đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2018) ;quyết Công văn số 9175/UBND-KTTC ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh, Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, các điểm dân cư nông thôn năm 2018 xã Nga Thủy.
49	Khu dân cư phía bắc và nam đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	5,57		5,57	ONT	Xã Nga Tân	
50	Khu dân cư Đồng Giáp	2,62		2,62	ONT	Xã Nga Thắng	Quyết định 358/QĐ-UBND ngày 7/3/2022 vv phê duyệt chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đồng Giáp;Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
51	Khu dân cư mới- đường đi động Từ Thức xã Nga Thiện (đợt 2)	4,56		2,68	ONT	Nga Thiện	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018, Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về quyết định chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022, huyện Nga Sơn; Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND huyện Nga Sơn về phê duyệt đồ án quy hoạch 1/500; Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND

							huyện Nga Sơn về điều chỉnh cục bộ QHCT xây dựng 1/500
				1,88	DGT	Nga Thiện	
52	Khu dân cư nông thôn (phía tây kênh 19)	4,67		3,00	ONT	Xã Nga Thạch	Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
				1,67	DGT	Xã Nga Thạch	
53	Khu dân cư phía Tây đê Ngự hàm 1 xã Nga thủy , huyện Nga Sơn	3,6		2,40	ONT	Xã Nga Thủy	Nghị quyết số 53/NQ-UBND ngày 18/8/2022 của Hội đồng Nhân Dân huyện Nga Sơn về quyết định chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022, huyện Nga Sơn; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND huyện Nga Sơn về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500
				0,09	DKV	Xã Nga Thủy	
				0,28	DTL	Xã Nga Thủy	
				0,83	DGT	Xã Nga Thủy	
54	Khu dân cư Chợ Sy xã Nga Phượng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá;	5,12		2,80	ONT	Xã Nga Phượng	NQ 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị Quyết số 51 /NQ-HĐND ngày 18/8/2022 của HĐND huyện Nga Sơn về việc quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 củaUBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư nông thôn xã Nga Phượng
				2,16	DGT	Xã Nga Phượng	
				0,16	DKV	Xã Nga Phượng	
55	Khu dân cư giáp Nga Thắng	0,07		0,07	ONT	Xã Nga Phượng	Nghị quyết 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các điểm dân cư năm 2021 xã Nga Phượng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá
56	Khu dân cư Bắc Hưng Long đi Từ Thức, (Nga Trường đi Nga Văn) (bổ sung diện tích)	1,39		0,94	ONT	Nga Trường	Quyết định 1043/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Bắc Hưng Long đi động Từ Thức (đoạn từ Nga Trường đi Nga Văn) xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
				0,45	DGT		
57	Khu dân cư tây sông Hoài (phần còn lại)	0,31		0,31	ONT	Xã Nga An	Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 19/5/2022của UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt điều

							chỉnh tên vị trí các điểm dân cư tại quyết định số1477/QĐ-UBND ngày 26/10/2021, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
58	Đất ở nhà văn hoá xóm 3,4,5,6,8,9 cũ	0,50		0,50	ONT	Xã Nga Yên	
59	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu Công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Yên)	1,51		0,61	ODT	Xã Nga Yên	Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu Công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Yên). Văn bản số 2422/UBND-KT&HT ngày 03/10/2022 về việc thỏa thuận Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu TĐC dự án đường giao thông từ KCN Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (Địa phận xã Nga Yên)
				0,04	DKV	Xã Nga Yên	
				0,86	DGT	Xã Nga Yên	
60	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ khu Công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 1)	2,63		1,05	ODT	Nga Thanh	Quyết định số 1106 ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 1)
				1,47	DGT	Nga Thanh	
				0,11	DKV	Nga Thanh	
61	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu Công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 2)	0,22		0,11	ODT	Nga Thanh	Quyết định số 1105 ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Thanh - Khu 2)
				0,11	DGT	Nga Thanh	
62	Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Tân)	0,86		0,26	ONT	Nga Tân	Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 7/11/2022 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư dự án đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn qua huyện Nga Sơn (địa phận xã Nga Tân)
				0,16	DTL	Nga Tân	
				0,05	DKV	Nga Tân	
				0,39	DGT	Nga Tân	
2.1.2	**Dự án khu dân cư đô thị**	**32,55**	**4,74**	**27,81**			
1	Khu dân cư Đông đường đường chi nhánh điện (giai đoạn 3)	5,80		3,17	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 45/NQ-HDND ngày 18/8/2022 của HDND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				2,62	DGT		Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 45/NQ-HDND ngày 18/8/2022 của HDND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
2	Khu dân cư phía Đông đường chi nhánh điện (xã Nga Mỹ cũ)	2,90		2,90	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 46/NQ-HDND ngày 18/8/2022 của HDND huyện

							Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
		0,90		0,90	DGT		
3	Khu dân cư tây hành chính giai đoạn 3	3,30		1,08	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết số 55/NQ-HDND ngày 18/8/2022 của HDND huyện Nga Sơn về việc chủ trương đầu tư
				2,22	DGT		
4	Khu dân cư mới Mỹ Hưng	14,92		5,95	ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 380/NQ-HĐND ngày 6/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
				0,89	DKV		
				5,92	DGT		
				0,40	DTT		
				0,18	DVH		
				0,83	MNC		
				0,75	DGD		
5	Khu dân cư mới bắc sông Hưng Long, trị trấn Nga Sơn (4 lô tồn đọng)	0,05	0,05		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Công văn số 227/CP-HĐND ngày 07/6/2016 của thường trực HĐND tỉnh Thanh Hóa ;Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2017, đợt 1 khu dân cư mới Bắc sông Hưng Long (Trại Cá tiểu khu 3); Quyết định số 1272/ QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2017, đợt 3 khu dân cư mới Bắc sông Hưng Long (Trại Cá tiểu khu 3)
6	Khu dân cư Tây đường Tuấn Phương	2,49	2,49		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HDND ngày 13/12/2018 của HDND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi (đã giải phóng mặt bằng)
7	Khu dân cư đông Chu Văn An	1,00	1,00		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HDND ngày 13/12/2018 của HDND tỉnh Thanh Hóa; Quyết đinh số 275/QĐ-UBND ngày 5/2/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất (đã giải phóng mặt bằng)
8	Khu dân cư đông đường chi nhánh điện	0,87	0,87		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HDND ngày 13/12/2018 của HDND tỉnh Thanh Hóa; Quyết đinh số1488/QĐ-UBND ngày 11/2/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất (đã giải phóng mặt bằng)
9	Các khu xen cư Thị Trấn (thuộc MBQH số 1068, ngày 25/11/2021	0,12	0,12		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HDND ngày 13/12/2018 của HDND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số: 562/QĐ - UBND, ngày 22/6/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện dự án khu dân cư phía tây hành chính và khu xen cư, Thị Trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn.
10	Dự án đất tái định cư thực hiện dự khu dân cư đồng bầu (thuộc mặt bằng Khu dân cư	0,03	0,03		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HDND ngày 13/12/2018 của HDND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 91/QĐ-

	đông quốc lộ 10)						UBND ngày 18/1/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi (đã giải phóng mặt bằng)
11	Khu dân cư ao ông Dũng thôn 1 (thuộc MBQHCT số 13, ngày 04/8/2014)	0,02	0,02		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số: 235/QĐ - UBND, ngày 5/8/2014 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng đấ năm 2014 xã Nga Mỹ, huyện Nga sơn Nay thuộc thị Trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn
12	Khu dân cư ao ông Khải (Thuộc MBQHCT số 17, ngày 10/10/2013)	0,01	0,01		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số: 235/QĐ - UBND, ngày 5/8/2014 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất, thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng đấ năm 2014 xã Nga Mỹ, huyện Nga sơn Nay thuộc thị Trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn
13	Khu dân cư đượng thông tiểu khu 1 (Thuộc MBQHCT số 651, ngày 25/5/2014)	0,01	0,01		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định thu hồi số: 794/QĐ - UBND, ngày 10/10/2017 của UBND huyên Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đấu giá khu dân, xen cư đượng thông năm 2017 , thị trấn nga sơn, huyện Nga Sơn
14	Khu dân cư tây đường tuấn phương (Thuộc MBQHCT số 1217/QĐ - UBND, ngày 29/5/2018)	0,02	0,02		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định thu hồi số: 706/QĐ - UBND, ngày 16/7/2018 của UBND huyên Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đấu giá đợt 2 năm 2018 (Sau đường tuấn phương đi ngã năm hạnh) xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn
15	KDC vườn son xóm 7 và Mã Bịch xóm 7 (MBQHCT số 2796 , ngày 13/8/2019)	0,05	0,05		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định thu hồi số: 940/QĐ - UBND, ngày 12/9/2019 của UBND huyên Nga Sơn về việc thu hồi đất , thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2019, xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn (nay là Thị Trấn Nga Sơn)
16	Khu dân cư tiểu khu Ba Đình 2	0,02	0,02		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất
17	Khu dân cư phía tây hành chính huyện	0,05	0,05		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất
18	Khu dân cư Đồng Bầu	0,70	0,70		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu dân cư đồng Bầu và đất giao thông CTKT khu dân cư đồng Bầu xã Nga Mỹ nay là thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá
19	Khu dân cư đông Quốc lộ 10	0,70	0,70		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu dân cư đông QL 10 và đất giao thông CTKT khu dân cư đông QL10 xã Nga Mỹ nay là thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá
20	Khu dân cư tiểu khu Ba Đình 1	0,35	0,35		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định 1405/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu dân cư tiểu khu Ba Đình 1, thị

							trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
21	Các khu xen cư xã Nga Mỹ cũ	1,00	1,00		ODT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 2587 ngày 24/7/2019 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1/500 các điểm dân cư nông thôn năm 2019 xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá
22	Khu dân cư trường trung cấp nghề	0,72	0,72		ODT	TT Nga Sơn	Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc thu hồi đất của Trường Trung cấp nghề Nga Sơn tại thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn; giao cho UBND huyện Nga Sơn quản lý theo quy định của pháp luật (Đã hoàn thành GPMB)
23	Khu dân cư trung tâm GDTX	0,73		0,73	ODT	TT Nga Sơn	
2.1.3	**Dự án đất trụ sở cơ quan**	**0,30**	**0,30**				
1	Trụ sở viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn	0,30	0,30		TSC	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Trụ sở viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
2	Mở rộng công sở thị trấn Nga Sơn	0,53	0,53		TSC	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 28/12/2028 về việc thu hồi đất, thực hiện dự án mở rộng công sở Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn
2.1.3	**Dự án công trình giao thông**	**46,17**		**46,18**			
1	Đường cứu hộ, cứu nạn đê hưu sông Hoạt, xã Nga Thắng	1,50		1,50	DGT	Xã Nga Thắng	Nghị quyết 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
2	Đường từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	36,56		36,56	DGT	Ba Đình, Nga Vịnh, Nga Văn, Nga Trường, Nga Tân, Nga Thủy, Nga Yên, Nga Thanh	Nghị quyết 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
	Đường từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	2,33		2,33	DGT	Xã Ba Đình	Nghị quyết 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của

							HĐND tỉnh Thanh Hoá
	Đường từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	3,20		3,21	DGT	Xã Nga Thủy	Nghị quyết 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
	Đường từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	2,75		2,75	DGT	Xã Nga Tân	Nghị quyết 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
	Đường từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	3,88		3,88	DGT	Xã Nga Thanh	Nghị quyết 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
	Đường từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	5,21		5,21	DGT	Xã Nga Trường	Nghị quyết 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
	Đường từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	2,07		2,07	DGT	Xã Nga Văn	Nghị quyết 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
	Đường từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	6,87		6,87	DGT	Xã Nga Vịnh	Nghị quyết 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
	Đường từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển	10,24		10,24	DGT	Xã Nga Yên	Nghị quyết 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
3	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn	2,25		2,25	DGT	Nga Phượng, Nga Bạch, Nga Thủy, Nga Thanh, Nga Liên	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
4	Mở rộng quốc lộ 10B đoạn	1,50		1,50	DGT	Xã Nga	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày

	qua xã Nga Yên					Yên	10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
5	Đường giao thông nội bộ trục Đông Tây và nạo vét sông Voi, huyện Nga Sơn, tinh Thanh Hóa giai đoạn 2: Đoạn từ làng Nhân Sơn đi sân đền	1,63		1,63	DGT	Xã Nga Phú	Nghị quyết 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
6	Thu hồi 3 lô đất ở để đầu tư hạ tầng thực hiện dự án khu dân cư Đồng Bầu thuộc mặt bằng QHCT Điểm dân cư phía Đông Quốc lộ 10	0,03	0,03		DGT	Thị trấn Nga Sơn	Quyết định 698/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/500 điểm dân cư phía Đông QL10 xã Nga Mỹ (nay là thị trấn Nga Sơn), huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá
2.1.4	**Dự án cụm công nghiệp**	**52,10**	**0,00**	**52,10**			
1	Cụm công nghiệp Tam Linh	39,68		20,17	SKN	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
				19,51	SKN	Xã Nga Văn	
2	Cụm công nghiệp Tư Sy	4,31	0,00	4,31	SKN	Xã Nga Bạch	Nghị quyết 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá;Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
		0,07		0,07	SKN	Xã Nga Phượng	Nghị quyết 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
		8,04		8,04	SKN	Xã Nga Thạch	Nghị quyết 380/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2.1.5	**Dự án công trình thủy lợi**	**5,70**		**5,70**			
1	Dự án tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đoạn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn	5,10		5,10	DTL	Nga Thắng, Ba Đình, Nga Vịnh, Nga Trường, Nga Thiện	Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2	Củng cố bảo vệ và nâng cấp đê biển và đê cửa sông - huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (GĐ2)	0,60		0,60	DTL	Xã Nga Tân	Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
3	Quy hoạch mương thuỷ lợi phía Đông công ty Thịnh Phát	0,30		0,30	DTL	Xã Nga Yên	
2.1.6	**Dự án công trình cơ sở văn hóa**	**1,11**		**1,11**			
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn	0,23		0,23	DVH	Xã Nga Bạch	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2	Mở rộng Nhà văn hóa thôn 1	0,15		0,15	DVH	Xã Nga Trung	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
3	Mở rộng nhà văn hóa thôn	0,03		0,03	DVH	Xã Nga	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày

						Vịnh	10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
4	Đài tưởng niệm xã Nga Yên	0,70		0,70	DVH	Xã Nga Yên	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2.1.7	**Dự án công trình cơ sở y tế**	**0,98**		**0,98**			
1	Mở rộng bệnh viện đa khoa	0,98		0,98	DYT	Xã Nga Yên	Quyết định số 2797/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt đầu tư xây dựng công trình đầu tư xây dựng, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2.1.8	**Dự án công trình cơ sở giáo dục và đào tạo**	**4,48**		**4,48**			
1	Mở rộng trường mầm non xã	0,15		0,15	DGD	Xã Nga Trung	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2	Trường mầm non Nga Vịnh	0,63		0,63	DGD	Xã Nga Vịnh	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
3	Mở rộng trường mầm non	0,40		0,40	DGD	Xã Nga Yên	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
4	Trường trung học cơ sở	1,00		1,00	DGD	Xã Nga Tiến	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021
5	Xây dựng mới nhà hiệu bộ và mở rộng khuôn viên trường mầm non thị trấn Nga Sơn	0,30		0,30	DGD	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
6	Xây dựng mời Trường tiểu học Thị trấn 1 và trường THCS thị trấn Nga Sơn. huyện Nga Sơn	2,00		2,00	DGD	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
	Mở rộng trường mầm non thị trấn 2	0,09	0,09		DGD	Thị trấn Nga Sơn	Chưa tìm thấy quyết định
2.1.9	**Dự án công trình cơ sở thể dục thể thao**	**1,50**		**1,50**			
1	Sân vận động xã	1,50		1,50	DTT	Xã Nga Yên	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2.1.10	**Dự án công trình năng lượng**	**5,63**	**0,28**	**5,63**			
1	Xây dựng trạm 110KV chống quá tải cải tạo lưới điện trên địa bàn huyện Nga Sơn	0,40		0,40	DNL	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2	Mở rộng nhà điều hành Điện lực và trạm trung gian Nga Sơn	0,23		0,23	DNL	Thị trấn Nga Sơn	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá; Số 11610/UBND-NN ngày 10/11/2015
3	Xây dựng TBA Ba Đình 7 chống quá tải cho TBA Ba Đình 2	0,01	0,01	0,01	DNL	Xã Ba Đình	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
4	Xây dựng TBA Nga Bạch 6 chống quá tải cho TBA Nga Bạch 1	0,01	0,01	0,01	DNL	Xã Nga Bạch	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
5	Xây dựng TBA Trung gian chống quá tải cho TBA	0,07	0,07	0,07	DNL	Xã Nga Bạch	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh

	Trung gian Nga Sơn						Hoá
6	Xây dựng TBA Nga Giáp 7 chống quá tải cho TBA Nga Giáp 5	0,02	0,02	0,02	DNL	Xã Nga Giáp	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
7	Xây dựng TBA Nga Giáp 7 chống quá tải cho TBA Nga Giáp 5	0,02	0,02	0,02	DNL	Xã Nga Giáp	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
8	Xây dựng TBA Nga Hải 7 chống quá tải cho TBA Nga Hải 1	0,02	0,02	0,02	DNL	Xã Nga Hải	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
9	Xây dựng TBA Nga Hải 7 chống quá tải cho TBA Nga Hải 1	0,02	0,02	0,02	DNL	Xã Nga Hải	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
10	Xây dựng TBA Nga Nhân 9 chống quá tải cho TBA Nga Nhân 1	0,01	0,01	0,01	DNL	Xã Nga Phượng	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
11	Xây dựng trạm 110KV chống quá tải cải tạo lưới điện trên địa bàn huyện Nga Sơn	0,48		0,48	DNL	Xã Nga Tân	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
12	Xây dựng ĐZ 0,4kV sau TBA Nga Tân 4	0,01	0,01	0,01	DNL	Xã Nga Tân	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
13	Trạm điện	0,02	0,02	0,02	DNL	Xã Nga Thạch	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
14	Xây dựng TBA Nga Thái 9 chống quá tải cho TBA Nga Thái 5	0,01	0,01	0,01	DNL	Xã Nga Thái	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
15	Xây dựng TBA Nga Thành 6 chống quá tải cho TBA Nga Thành 3	0,01	0,01	0,01	DNL	Xã Nga Thành	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
16	Xây dựng TBA Nga Thắng 6 chống quá tải cho TBA Nga Thắng 2 và Nga Thắng 5	0,04	0,04	0,04	DNL	Xã Nga Thắng	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
17	chống quá tải TBA và lưới điện hạ áp khu vực Bỉm Sơn, Hà Trung, Nga Sơn	0,01		0,01	DNL	Xã Nga Trung	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
18	Xây dựng TBA Nga Trường 6 chống quá tải cho TBA Nga Trường 4	0,01	0,01	0,01	DNL	Xã Nga Trường	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
19	Xây dựng trạm điện Nga Văn	0,01		0,01	DNL	Xã Nga Văn	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
20	Đường dây và TBA 110 kV Nga Sơn	0,72		0,72	DNL	Ba Đình, Nga Vịnh, Nga Văn, Thị Trấn, Nga Yên, Nga Thanh, Nga Tân, Nga Thủy,	Quyết định số 46/QĐ-EVNNPC ngày 12/1/2021 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc Về duyệt danh mục, điều chỉnh quy mô và tạm giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá

						Nga Bạch	
21	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Bỉm Sơn- Nga Sơn	0,45		0,45	DNL	Ba Đình, Nga Trường, Nga Vịnh	Số 7729/UBND-CN ngày 05/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thỏa thuận hướng tuyến đường điện 110kV và vị trí trạm biến áp 110kV Nga Sơn; số quyết định số 104/QĐ-EVNNPC ngày 14/1/2022 của tập đoàn điện lực Việt Nam tổng công ty điện lực miền bắc về việc phê duyệt dự án đường dây và TBA 110kV Nga Sơn; Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
22	Trạm biến áp 110KV Nga Sơn	0,54		0,54	DNL	Nga Trường	Quyết định số 46/QĐ-EVNNPC ngày 12/1/2021 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc Về duyệt danh mục, điều chỉnh quy mô và tạm giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng, Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
23	Dự án cái tạo lưới điện chống quá tải trên địa bàn huyện Nga Sơn	2,30		2,30	DNL	Huyện Nga Sơn	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
24	Chống quá tải lưới điện huyện Nga Sơn	0,05		0,05	DNL	Nga Trường, Nga Giáp, Nga Bạch, Nga Thủy	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
25	Chống quá tải lưới điện huyện Nga Sơn	0,05		0,05	DNL	Nga Trường, Nga Giáp, Nga Bạch, Nga Thủy	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
26	Xây dựng 1 phần lộ 971 trung gian Nga Sơn từ lưới 10KV lên vận hành cấp điện áp 22KV	0,10		0,10	DNL	Nga Vịnh, Nga Văn, Ba Đình	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2.1.11	**Dự án công trình có di tích lịch sử - văn hóa**	**6,25**		**6,25**			
1	Bảo tồn, tôn tạo khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình	4,00		4,00	DDT	Xã Ba Đình	Nghị quyết 399/NQ-HĐND ngày 26/4/2021; Nghị quyết 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022
2	Xây dựng đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình (căn cứ trung tâm núi Thúc)	2,25		2,25	DDT	Xã Ba Đình	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2.1.12	**Dự án công trình bãi thải, xử lý chất thải**	**12,40**		**12,40**			
1	Bãi đổ thải cảng Lạch Sung	7,40		7,40	DRA	Xã Nga Thủy	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá, Căn cứ Công văn số 8574/STNMT-CSĐĐ, ngày

							8/12/2020 của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn,về việc điều chỉnh diện tích sử dụng đất, tiểu dự án HTTL sông Lèn, thuộc dự án KEXIMI; Quyết định số 408/QĐ-CPO-TĐ ngày 16/11/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh , bổ sung bãi thải vật liệu và Dự toán Tiểu dự án : Hệ thống thủy lợi sông Lèn,
2	Bãi đổ thải đường ven biển và đường Long Sơn	5,00		5,00	DRA	Xã Nga Tân	Nghị quyết số 245/ NQ-HĐND tỉnh ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa;Số: 18571/UBND-CN ngày 24/11/2021 Về việc chấp thuận vị trí đổ vật liệu không thích hợp phục vụ thi công dự án xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa tại xã Nga Tân, huyện Nga Sơn.
2.1.13	**Dự án cơ sở tôn giáo**	**1,64**	**0,24**	**1,40**			
1	Xây dựng nhà thờ Nhật Hải-Tiến Giáo	0,25		0,25	TON	Xã Nga Thanh	Nghị quyết 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2	Mở rộng giáo xứ Tam Linh	0,30		0,30	TON	Xã Nga Thắng	Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
3	Mờ rộng nhà thớ Giáo xử Vĩnh Thiện	0,71		0,71	TON	Xã Nga Liên	Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
4	Mở rộng nhà thờ Phúc Lạc	0,24	0,24		TON	Xã Nga Liên	Công văn số 7388/UBND-NN ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa Nghị quyết 329/NQHĐND ngày 21/9/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
5	Nhà thờ Chính Giáo (Giáo xứ Tân Hải)	0,14		0,14	TON	Xã Nga Phú	Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
2.1.14	**Dự án nghĩa trang, nghĩa địa**	**3,15**		**3,15**			
1	Mở rộng nghĩa địa C5	1,20		1,20	NTD	Xã Nga Tiến	Nghị quyết 405/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
2	Nghĩa địa thôn Trung Thành	0,55		0,55	NTD	Xã Nga Thạch	Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
3	Nghĩa địa thôn Thanh Lãng	0,40		0,40	NTD	Xã Nga Thạch	Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
4	Nghĩa địa thôn Phương Phú	0,40		0,40	NTD	Xã Nga Thạch	Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
5	Nghĩa địa thôn Hậu Trạch	0,60		0,60	NTD	Xã Nga Thạch	Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
2.1.15	**Dự án đất cơ sở tín ngưỡng**	**0,31**		**0,31**			
1	DA khôi phục, tôn tạo Đình Đông	0,31		0,31	TIN	Xã Nga Trung	Nghị quyết 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá (Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng)
2.2	**Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất**						

2.2.1	**Dự án thương mại dịch vụ**	**26,18**		**26,18**			
1	Đất thương mại dịch vụ	1,00		1,00	TMD	Nga Tiến	
2	Đất thương mại dịch vụ	23,32		23,32	TMD	Nga Vịnh	
3	Khu thương mại dịch vụ	0,51		0,51	TMD	TT Nga Sơn	
4	Mở rộng quỹ tín dụng nhân dân Nga Mỹ cũ	0,30		0,30	TMD	TT Nga Sơn	
5	Khu thương mại dịch vụ (trụ sở làm việc công an cũ)	0,32		0,32	TMD	TT Nga Sơn	
6	Khu thương mại dịch vụ (trụ sở viện kiểm soát nhân dân cũ	0,07		0,07	TMD	TT Nga Sơn	
7	Đất thương mại dịch vụ (khu xóm 9)	0,51		0,51	TMD	Nga An	
8	Đất thương mại dịch vụ	0,15		0,15	TMD	Nga An	
2.2.2	**Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**	**76,93**		**76,93**			
1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	6,87		6,87	SKC	Nga Thủy	
2	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,00		1,00	SKC	Nga Tiến	
3	Xưởng sản xuất cói xuất khẩu	0,73		0,73	SKC	TT Nga Sơn	Nghị quyết 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hoá
4	Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cói thủ công mỹ nghệ và phụ kiện ngành may tại xã Nga An	2,00		2,00	SKC	Nga An	Quyết định 4642/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cói thủ công mỹ nghệ và phụ kiện ngành may tại xã Nga An huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá
5	Khu sản xuất kinh doanh (Đông đường chùa)	1,91		1,91	SKC	Nga An	
6	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	2,00		2,00	SKC	Nga An	
7	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,28		1,28	SKC	Nga An	Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030
8	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,00		3,00	SKC	Nga An	
9	Xưởng sản xuất, chế biến gỗ ghép thanh và các sản phẩm tận thu từ gỗ	2,00		2,00	SKC	Nga An	Quyết định 658/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2022 Về việc chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Thương mại - Xây dựng Tuấn Trường Phát nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã Nga An, huyện Nga Sơn
10	Nhà máy sản xuất gạch bi	0,25		0,25	SKC	Nga An	
11	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	10,00		10,00	SKC	Nga Trường	
12	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	3,00		3,00	SKC	Nga Trường	
13	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,00		1,00	SKC	Nga Trường	

14	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,00		1,00	SKC	Nga Trường	
15	Xưởng sản xuất kinh doanh giày da, may mặc gia công tổng hợp tại xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Thịnh Phát	2,40		2,40	SKC	Nga Yên	Quyết định chủ trương đầu tư số 4919/QĐ-UBND ngày 17/11/2020, điều chỉnh chủ trương đầu tư và gia hạn tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 13/12/2021
16	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,00		1,00	SKC	Nga Yên	Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc chấp thuận cho công ty cổ phần xây dựng Phú Thanh nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã Nga Yên, huyện Nga Sơn
17	Dự án in ấn quảng cáo đồ gỗ nội thất giầy da may mặc	1,60		1,60	SKC	Nga Yên	
18	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,30		1,30	SKC	Nga Giáp, Nga Thành	
19	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,51		0,51	SKC	Nga Giáp	
20	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,79		0,79	SKC	Nga Thành	
21	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0,10		0,10	SKC	Nga Liên	
22	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,30		1,30	SKC	Nga Thanh	
23	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	4,48		4,48	SKC	Nga Thanh	
24	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	2,00		2,00	SKC	Nga Thanh	
25	Dự án đất sản xuất kinh doanh Tuấn Trường Phát, xã Nga Thạch	3,03		3,03	SKC	Nga Thạch	Quyết định 522/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022 Về việc chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Thương mại - Xây dựng Tuấn Trường Phát nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn
26	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	8,50		8,50	SKC	Nga Thạch	Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030
27	Dự án khu sản suất kinh doanh Ninh Tự PP	0,15		0,15	SKC	Nga Thạch	
28	Khu khai trường	2,47		2,47	SKC	Nga Giáp	

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

- Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nga Sơn được xây dựng dựa trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 của huyện và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2021-2030, cân đối đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Kết quả của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thể hiện được chiến lược sử dụng đất của huyện đến năm 2030, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, thị trấn trên địa bàn huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật.

- Kết quả của phương án điều chỉnh quy hoạch đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các dự án của các cấp, các ngành và của địa phương trên cơ sở tích hợp đồng bộ và cân đối với chỉ tiêu đất đai được UBND tỉnh Thanh Hoá phân bổ tại quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022.

- Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn được cân nhắc cho từng vùng, từng điểm, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực và mục tiêu đô thị hoá. Các khu vực đô thị sau khi được đầu tư phát triển sẽ thực sự trở thành điểm sáng, văn minh, hiện đại, không chỉ thu hút được sự đầu tư mà còn tạo ra ảnh hưởng lớn đến quá trình đô thị hoá nông thôn ở các khu vực khác, đáp ứng được mục tiêu đô thị hoá của huyện.

- Đất cho công nghiệp, du lịch, dịch vụ thương mại được tính theo phương án có tính khả thi cao nhất. Trong đó sẽ hình thành một số khu, cụm có quy mô tập trung, vị trí thuận lợi, bố trí đủ đất cho tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, thu hút nhiều ngành có công nghệ cao. Các trung tâm dịch vụ, các khu du lịch được phát triển với nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn, phục vụ đắc lực cho các hoạt động dịch vụ, du lịch cũng như nhu cầu vui chơi, giải trí ngày càng tăng của người dân.

- Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét điều chỉnh và tính toán cho các loại đất từ đất giao thông, thuỷ lợi đến quốc phòng an ninh, nghĩa trang, nghĩa địa... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn và từng năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

II. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Thanh Hoá sớm tổ chức thẩm định, phê duyệt để phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nga Sơn để làm căn cứ cho tổ chức thực hiện.

Đề nghị UBND tỉnh Thanh Hoá dành cho huyện những nguồn vốn ưu tiên để thực hiện các dự án trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện. Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, phát huy tiềm năng nội lực, thu hút đầu tư từ bên ngoài cho thực hiện tốt phương án quy hoạch thúc đẩy sự phát

triển kinh tế xã hội cho địa phương.